



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



► DỊCH VỤ H...
► DỊCH VỤ TIẾT K...

1. CHI NHÁNH MIỀN BẮC

- Văn phòng tại số 02, Văn Cao, Tây Hồ, Hà Nội
- Văn phòng tại số 65, Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Văn phòng tại số 378, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
- Văn phòng tại Nội Bài, Sân bay Nội Bài (đội diện)
- Đại diện tại các sân bay lẻ

CHI NHÁNH MIỀN TRUNG

Tại sân bay Đà Nẵng, Hòa Thuận Tây, Hải Châu, Đà Nẵng
Số 66, Nguyễn Trãi Phương, Chính Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng
sân bay lẻ

CHI NHÁNH MIỀN NAM

Tại sân bay Tân Sơn Nhất, Quận 5, TP. HCM
Số 05, Cầu Long, Phường 2, Tân Bình, TP. HCM
Số 57, Lê Thị Hồng Gấm, Nguyễn Thái Bình, Quận 5, TP. HCM
Số 1, Hồng Phong, Phường 3, Quận 5, TP. HCM
Số 1, Quê Nghệ Tĩnh, Phường 17, Bình Tân, TP. HCM

ĐIỀU KIỆN GIAO NHẬN HÀNG
bay Quốc tế Nội Bài
info@nascoexpress.com

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

Thư ngỏ của chủ tịch HĐQT
Tầm nhìn Sứ mệnh-Giá trị cốt lõi

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát & Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị và mô hình tổ chức kinh doanh
Giới thiệu ban lãnh đạo
Định hướng phát triển
Các rủi ro
Vị thế của Công ty trong ngành

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình thực hiện, đầu tư các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2021
Những nét nổi bật trong KQHĐSXKD của Cty 2021
Tình hình hoạt động tài chính công ty 2021
Kế hoạch hoạt động trong năm 2022

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

Đánh giá chung của HĐQT về tình hình kinh tế, ngành
Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Nhận xét, đánh giá chung của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty năm 2021
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT trong năm 2022

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông
Hoạt động của Ban lãnh đạo công ty

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Những tác động liên quan đến môi trường
Những tác động liên quan đến cộng đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

A

PHẦN MỞ ĐẦU

- Thư ngỏ của chủ tịch HĐQT
- Tầm nhìn Sứ mệnh-Giá trị cốt lõi



Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý cổ đông, Quý Khách hàng, Quý đối tác kính mến!
Thưa toàn thể cán bộ công nhân viên NASCO thân mến!
Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty, tôi xin gửi tới Quý vị lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Năm 2021, dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến vô cùng phức tạp trên thế giới và tại Việt Nam với biến chủng mới có độ lây lan nhanh chóng. Đây là năm thứ hai dịch COVID-19 xuất hiện tại Việt Nam và tình hình trở nên trầm trọng hơn với số ca mắc và số ca tử vong tăng đột biến. Trước tình hình đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động ban hành các nghị quyết, nghị định, quyết định về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 và hỗ trợ thêm cho một số nhóm đối tượng đang hưởng chính sách ưu đãi, bảo trợ xã hội trong thời gian có dịch; gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, gia hạn và giảm tiền thuê đất; trình cấp có thẩm quyền xem xét để hỗ trợ một số ngành, lĩnh vực bị ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh. Với những nỗ lực đó, đất nước cũng đã phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021: GDP ước tính tăng 2,58% (Quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%; quý III giảm 6,02%; quý IV tăng 5,22%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2021 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2021 thuộc nhóm cao nhất thế giới. Ngành vận tải hàng không do việc hạn chế đi lại cũng như hoạt động sản xuất, kinh doanh bị gián đoạn. Nhiều kế hoạch đầu tư mới máy bay của các hãng hàng không đã bị dừng lại.

Trong năm 2021, thị trường hàng không quốc tế vẫn tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh, thị trường hàng không trong nước cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Trong suốt 02 năm, các doanh nghiệp hàng không Việt đã phải chịu nhiều tổn thất khi đường bay nội địa khai thác cầm chừng còn đường bay quốc tế thì chưa được mở cửa trở lại. Theo thống kê, nhu cầu vận tải hành khách suy giảm khiến thị trường hàng không ghi nhận mức giảm mạnh nhất lần lượt là 86,5% và 87,7% trong tháng 4 và tháng 5 do dịch bệnh bùng phát và chính sách cách ly toàn xã hội, nhất là tại 02 trung tâm kinh tế sôi động nhất cả nước là Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Lượng khách tuy đã dần hồi phục trong các tháng sau đó nhờ phương án tiêm chủng vắc-xin kịp thời và các chính sách kích cầu trong mùa du lịch, nhưng phần lớn là khách nội địa do các chuyến bay quốc tế vẫn chưa được mở lại. Trước diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19, với sự nỗ lực của các hãng hàng không cùng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không và các cơ quan quản lý... thị trường hàng không Việt Nam đã dần hồi phục những bước đầu tiên vào cuối năm 2021 với việc khai thác trở lại tất cả các đường bay, tăng tần suất phục vụ nhu cầu đi lại an toàn của người dân dịp cuối năm

Nhiều chuyên gia đã dự báo tích cực về nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng của Việt Nam năm 2022, ngành hàng không cũng theo đó được báo hiệu nhiều dấu hiệu hồi phục mạnh mẽ, trong đó Chính phủ đã quyết định mở lại các đường bay thương mại quốc tế từ 15/2 để phục hồi giao thương, du lịch và chuẩn bị mở cửa du lịch từ 15/3/2022. Quyết định này đã tạo điều kiện để ngành hàng không Việt Nam tiến dần tới bình thường hóa hoàn toàn các hoạt động bay, hồi phục và tiếp tục phát triển. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hàng không, Tuy nhiên, NASCO luôn giữ tư thế chủ động nắm bắt tình hình kinh tế - xã hội, phát huy những điểm mạnh sẵn có, tránh tâm lý chủ quan để có thể sẵn sàng đương đầu với mọi thách thức, các rủi ro từ thị trường. Ban lãnh đạo Công ty sẽ tiếp tục phấn đấu đạt mọi kế hoạch kinh doanh đặt ra để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý cổ đông dành cho chúng tôi.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân đến Quý cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn đồng hành cùng Công ty. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới toàn thể người cán bộ nhân viên, người lao động của Công ty vì những nỗ lực hết mình đóng góp cho thành quả của Công ty NASCO trong thời gian qua.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Đức Cảnh

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi



Tầm nhìn

Xây dựng và phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp cung cấp chất lượng dịch vụ sân bay hàng đầu cho các Hãng hàng không nội địa, quốc tế và khách hàng tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài.



Sứ mệnh

Không ngừng đầu tư phát triển và sử dụng hợp lý các nguồn lực, đặc biệt là nguồn nhân lực; nguồn lực công nghệ. Thường xuyên cải tiến và phát huy hiệu lực, hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Đảm bảo thỏa mãn đầy đủ những yêu cầu và mong đợi của khách hàng và các bên quan tâm, tăng cường hợp tác với các đối tác kinh doanh trong Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài



Giá trị cốt lõi

+ Tận tâm Chuyên nghiệp : NASCO luôn đặt lợi ích và mong muốn của khách hàng lên hàng đầu. Khách hàng chính là trung tâm, là động lực để công ty phát triển các sản phẩm dịch vụ hoàn hảo nhất.

+ Chất lượng : Các loại hàng hóa trong NASCO DUTY FREE SHOP đều được kiểm soát và giám sát chặt chẽ về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ, phù hợp với các quy định Pháp luật Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế. Các loại hàng tiêu dùng có chất lượng cao sản xuất tại Việt Nam và thế giới.

+ Hợp tác - Chia sẻ : NASCO luôn lắng nghe, sẵn sàng hợp tác, chia sẻ và tích cực hành động vì lợi ích của khách hàng, của đối tác và của người lao động. Đây là giá trị phong cách làm việc của NASCO

+ Sáng tạo - Đa năng:

Công ty luôn tìm tòi, nghiên cứu để tìm hiểu nhu cầu thị trường mới, thích nghi và nâng cao tính cạnh tranh để tiếp tục gia tăng thị phần và nâng cao vị thế.



B

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát & Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và mô hình tổ chức kinh doanh
- Giới thiệu ban lãnh đạo
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro
- Vị thế của Công ty trong ngành



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

	Tên Công ty	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài
	Giấy phép ĐKKD	Số 0100108254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/04/2006 và thay đổi lần thứ 11 ngày 14/09/2018
	Vốn điều lệ	83.157.640.000 đồng
	Trụ sở chính	Sân Bay Quốc Tế Nội Bài - Xã Phú Minh Huyện Sóc Sơn - Hà Nội
	Điện thoại	(84.24) 3884 0085
	Fax	(84.24) 3886 5555
	Email	info@nasco.vn
	Website	http://www.nasco.com.vn
	Mã chứng khoán	NAS (Sàn giao dịch chứng khoán UPCOM)

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



01/01/1993 : Tiền thân của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài là doanh nghiệp Nhà nước mang tên Công ty Dịch vụ Cụm cảng Hàng không sân bay miền Bắc (tên giao dịch tiếng Anh là NORTHERN AIRPORT SERVICES COMPANY, viết tắt là NASCO) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động.



05/1995 : Công ty được đổi tên thành Công ty Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NOIBAI AIRPORT SERVICES COMPANY NASCO), trở thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.



2005 : Theo quyết định số 3978/QĐ-BGTVT ngày 21/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, NASCO được cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (Tên giao dịch tiếng Anh là NOIBAI AIRPORT SERVICES JOINT STOCK COMPANY, viết tắt là NASCO).



07/06/2007 : Trở thành Công ty đại chúng. Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 49.500.000.000 đồng thông qua phát hành chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.



07/2009 : Tăng vốn điều lệ lên 69.298.640.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu



10/2010 : Tăng vốn điều lệ lên 83.157.640.000 đồng thông qua phát hành chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.



2017 : 8.315.764 cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM với giá tham chiếu 28.000 đồng/ cổ phiếu.



2018 ->2021 : Công ty hợp tác kinh doanh dịch vụ với nhiều đối tác lớn như: Ngân hàng VPBank (năm 2018), ngân hàng SHB (năm 2020), thương hiệu Starbuck (năm 2018).



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không
- Vận chuyển hàng hóa, hành khách trong sân đỗ máy bay
- Dịch vụ vận tải mặt đất; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế
- Dịch vụ làm thủ tục hàng không tại thành phố
- Kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập, quá cảnh
- Dịch vụ lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không
- Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại hàng không



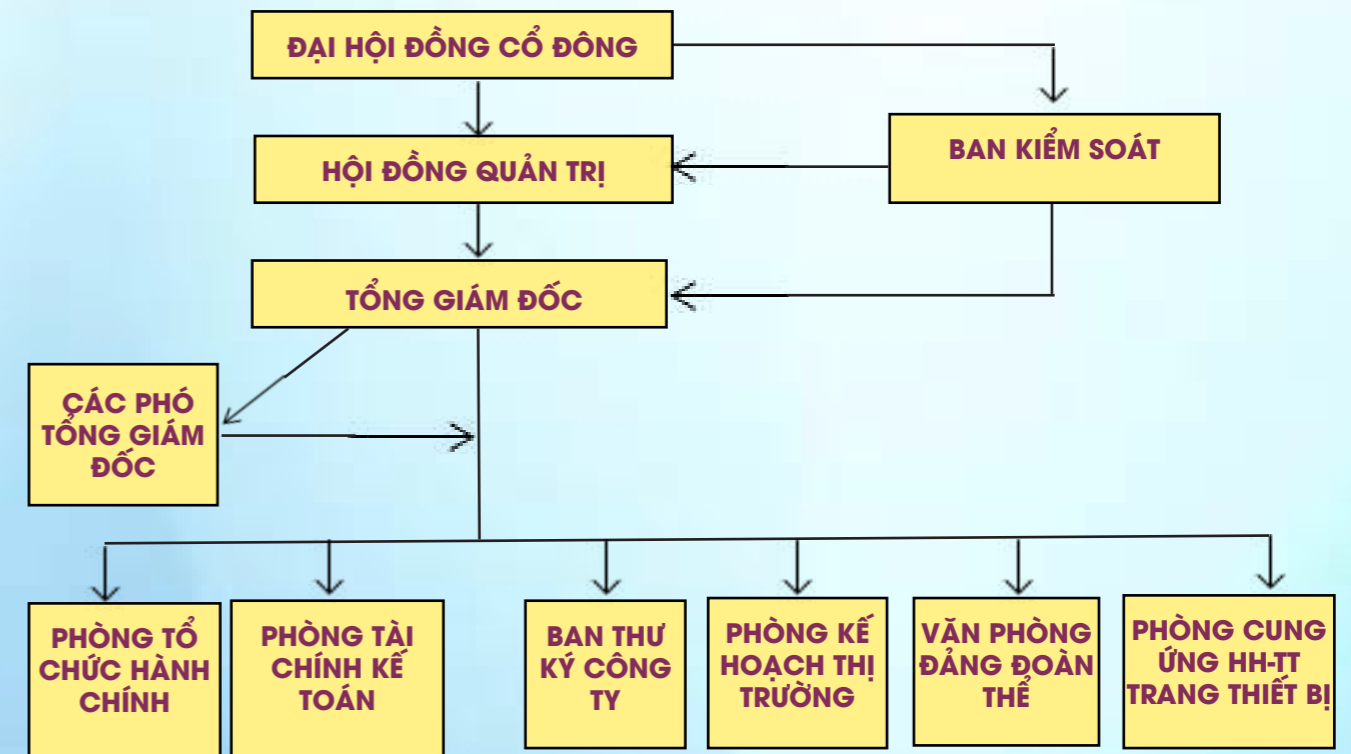
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hiện tại Nasco hoạt động chủ yếu tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài với các sản phẩm dịch vụ như:

- + Dịch vụ thương mại, tổng hợp: Kinh doanh hàng bách hóa, mỹ nghệ, dịch vụ nhà hàng ăn uống, giải khát, ... phục vụ khách đi máy bay qua Cảng hàng không.
- + Dịch vụ vận tải ô tô: Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô trong sân đỗ máy bay, phục vụ người lao động của các đơn vị làm việc tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài và hành khách có nhu cầu khác.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CÁC BỘ PHẬN QUẢN LÝ

- Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

- Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề của Đại hội đồng cổ đông.

- Ban Tổng Giám đốc:

Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty

- Ban Kiểm soát:

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.



CÁC BỘ PHẬN CHỨC NĂNG

- Phòng Tổ chức nguồn lực : là cơ quan tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc về lĩnh vực tổ chức và phát triển nguồn nhân lực; quản trị hành chính doanh nghiệp; có chức năng nhiệm vụ:
 + Tham mưu về tổ chức hoạt động các phòng ban, nhân sự theo mô hình công ty;
 + Lên kế hoạch tuyển dụng và phát triển nhân lực;
 + Quản lý tài liệu, tổ chức các hoạt động công đoàn, chương trình đoàn thể;
 + Công tác lao động tiền lương, chế độ BHXH, BHYT, bảo hộ lao động;
 + Tổ chức, quản lý theo dõi kiểm tra các công tác liên quan đến trật tự, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh.

- Phòng Cung ứng HH-ĐT trang thiết bị : là đơn vị hỗ trợ Tổng Giám đốc đảm bảo việc cung ứng hàng hóa cho các đơn vị kinh doanh, thực hiện các dự án đầu tư theo phân cấp, có chức năng, nhiệm vụ:
 + Thực hiện công tác về cung ứng hàng hóa;
 + Thực hiện việc khai thác, cung ứng các nguồn hàng, sản phẩm dịch vụ, hàng hóa, thực phẩm, vật tư, nguyên nhiên vật liệu;
 + Thực hiện thủ tục xuất, nhập khẩu; cung ứng hàng hóa;
 + Quản lý, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế và làm sạch cơ sở vật chất;
 + Thực hiện công tác về đầu tư- trang thiết bị;
 + Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

- Phòng Tài chính Kế toán : là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực tài chính và kế toán; có chức năng nhiệm vụ, quyền hạn:
 + Công tác tài chính, kế toán;
 + Công tác quản lý tài sản, nguồn vốn;
 + Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ;
 + Công tác quản lý chi phí và phân tích hoạt động kinh tế;

- Phòng Kế hoạch Thị trường : là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc về lĩnh vực thị trường và kế hoạch kinh doanh, có chức năng nhiệm vụ, quyền hạn:
 + Xây dựng chiến lược kinh doanh và phát triển thị trường;
 + Công tác kế hoạch và đầu tư;
 + Công tác thống kê, tổng hợp, điều độ sản xuất kinh doanh và đầu tư;
 + Công tác đấu thầu, quản lý theo dõi hợp đồng kinh tế;
 + Tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh;
 + Kiểm tra, giám sát các đơn vị.

- Ban Thư ký Công ty : là cơ quan giúp việc trực tiếp của Hội đồng quản trị, có chức năng, nhiệm vụ:
 + Soạn thảo các tài liệu phục vụ cuộc họp công ty;
 + Tổ chức các cuộc họp trong công ty;
 + Ghi chép và lập các biên bản các cuộc họp;
 + Tư vấn HDQT về thủ tục các cuộc họp HDQT;
 + Thực hiện bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty.

- Văn phòng công ty : là cơ quan tham mưu giúp việc cho Ban chấp hành Đảng bộ Công ty, Tổng Giám đốc, Ban chấp hành công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty, có chức năng, nhiệm vụ:
 + Thực hiện các nhiệm vụ về công tác đoàn thanh niên;
 + Thực hiện các nhiệm vụ về công tác đảng.

MÔ HÌNH TỔ CHỨC KINH DOANH



Công ty con, công ty liên kết

	Công ty con	Công ty liên kết
Tên công ty	Công ty cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO	Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ hàng không Việt Nam
Trụ sở chính	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội
Tỷ lệ lợi ích	49,12%	16%
Tỷ lệ biểu quyết	51%	36%
Tỷ lệ vốn góp thực tế	49,12%	16%
Hoạt động kinh doanh	Vận chuyển hàng hóa hàng không, dịch vụ kho bãi,...	Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô 05 chỗ, 16 chỗ



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Đức Cảnh	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Vũ Ngọc Sơn	Ủy viên
3	Bà Hà Thị Thu Nga	Ủy viên
4	Ông Trần Việt Phương	Ủy viên
5	Ông Nguyễn Phú Thanh	Ủy viên
6	Bà Phan Diễm Anh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24/06/2021)

Ông Lê Đức Cảnh - Chủ tịch HĐQT

Họ tên	Lê Đức Cảnh
Giới tính	Nam
Năm sinh	1972
Trình độ học vấn	Thạc sỹ
Sở hữu cổ phiếu NAS	0
Chức vụ khác	Trưởng Ban ĐTMS Tổng công ty hàng không Việt Nam

Ông Vũ Ngọc Sơn - Thành viên HĐQT

Họ và tên:	Vũ Ngọc Sơn
Ngày sinh:	07/02/1960
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân hành chính, Cử nhân ngoại ngữ, Trung cấp Quản lý Khách sạn nhà hàng
Sở hữu đại diện	900376 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10,83%
Chức vụ khác	Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Liên Thái Bình Dương (IPPGROUP)

Ông Trần Việt Phương - Thành viên HĐQT

Họ tên	Trần Việt Phương
Giới tính	Nam
Năm sinh	1974
Học vấn	Thạc sỹ kinh tế, cử nhân ngành ngân hàng
Sở hữu cổ phiếu NAS	0 cổ phần
Chức vụ khác	Cán bộ Quản lý viên

Ông Nguyễn Phú Thanh - Thành viên HĐQT

Họ và tên	Nguyễn Phú Thanh
Giới tính	Nam
Năm sinh	1972
Số cổ phần đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	771.120 cổ phần, chiếm 9,27% vốn điều lệ
Chức vụ khác	Phó chánh văn phòng - TCT Hàng không Việt Nam

Bà Hà Thị Thu Nga - Thành viên HĐQT

Họ và tên	Hà Thị Thu Nga
Năm sinh	1980
Trình độ học vấn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Số cổ phần đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	771.120 cổ phần, chiếm 9,27% vốn điều lệ
Chức vụ khác	Phó Trưởng Ban Dịch vụ hành khách Tổng Công ty Hàng không Việt Nam

Bà Phan Diễm Anh - Thành viên HĐQT

Miễn nhiệm ngày 24/06/2021 theo Nghị quyết số 63/NQ-NASCO ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Trường Thi	Thành viên
3	Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	Thành viên

Ông Nguyễn Tiến Dũng - Trưởng Ban kiểm soát

Họ tên	Ông Nguyễn Tiến Dũng
Giới tính	Nam
Trình độ học vấn	Cử nhân kinh tế
Sở hữu cổ phiếu NAS	0

Ông Nguyễn Trường Thi - Thành viên Ban kiểm soát

Họ tên	Ông Nguyễn Trường Thi
Giới tính	Nam
Trình độ học vấn	Thạc sĩ QTKD
Sở hữu cổ phiếu NAS	0

Bà Nguyễn Thị Tươi - Thành viên kiểm soát

Họ tên	Bà Nguyễn Thị Tươi
Giới tính	Nữ
Trình độ học vấn	Cử nhân tài chính kế toán
Sở hữu cổ phiếu NAS	0

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược kinh doanh:

Nâng cao chất lượng, giữ vững và tiếp tục tăng quy mô các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, đồng thời, nghiên cứu và phát triển những ngành kinh doanh mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng

- Tổ chức lại hoạt động kinh doanh của các Nhà hàng, các bộ phận của các đơn vị đảm bảo kinh doanh có hiệu quả:

+ Nghiên cứu, triển khai áp dụng thực tế các mô hình và phương thức kinh doanh mới theo xu thế hiện đại, hiện đại kết hợp với truyền thống tại các điểm kinh doanh mới được nhượng quyền để đáp ứng kịp thời sự thay đổi nhu cầu và phong cách tiêu dùng của khách hàng tại Cảng hàng tại CHKQT-NB, khắc phục hạn chế về lợi thế vị trí kinh doanh.

+ Áp dụng phương thức giao chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả hơn, nâng cao quyền tự chủ hơn đối với các nhà hàng, dần dần áp dụng rộng rãi tới các điểm kinh doanh khác để phù hợp tiến trình tái cơ cấu các lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả của Công ty, phù hợp với định hướng của Tổng công HKVN-CTCP

- Đối với Công ty Cổ phần Taxi NASCO: Mở rộng kinh doanh dịch vụ Taxi, minibus và các dịch vụ gia tăng khác như: dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ đưa đón khách VIP.

- Đối với Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO: Phát triển mở rộng mạng lưới dịch vụ chuyển phát hàng hóa, liên kết với các đối tác nước ngoài để nối dài dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế. Triển khai các thủ tục pháp lý cần thiết để thực hiện đầu tư xây dựng các nhà ga hàng hóa tại khu vực sân bay Quốc tế Nội Bài.

Chiến lược đầu tư:

Đầu tư cả chiều rộng và chiều sâu đảm bảo nguồn tài chính tăng trưởng bền vững và lành mạnh, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Định hướng về đầu tư:

+ Đầu tư cải tạo, mở rộng các điểm kinh doanh của Công ty tại khu vực nhà ga hành khách T1, T2 nhất là các điểm kinh doanh chủ chốt của Công ty.

+ Đầu tư thay thế trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh đặc biệt là các phương tiện phục vụ khách trong sân đỗ tàu bay.

- Định hướng về chính sách vốn:

+ Sử dụng tối đa các nguồn vốn hiện có từ vốn đầu tư của chủ sở hữu, các nguồn quỹ và lợi nhuận để lại chưa phân phối; các nguồn vốn ngắn hạn từ các nhà cung cấp; quản lý tốt công nợ. Trong trường hợp cần thiết có thể huy động thêm nguồn vốn vay thương mại, xã hội hóa nguồn vốn đầu tư.

+ Tăng vốn đầu tư chủ sở hữu (vốn điều lệ) thông qua phát hành cổ phiếu để đảm bảo cho hoạt động đầu tư của Công ty.



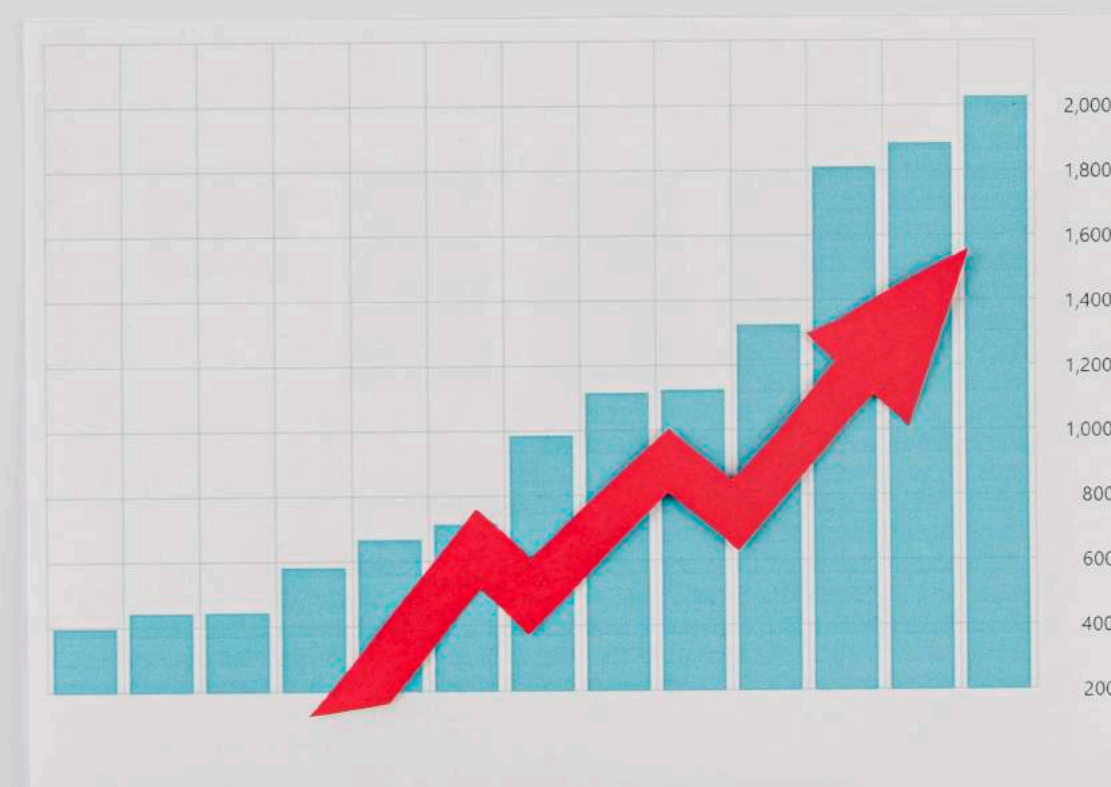
Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:

- Nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực ngoại ngữ cho cán bộ nhân viên, người lao động toàn công ty, xây dựng và phát triển thái độ phục vụ, tác phong làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả nhằm xây dựng thương hiệu NASCO uy tín và chuyên nghiệp.

Chiến lược khoa học công nghệ:

- Tiên phong và dẫn đầu; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý kinh doanh;

- Tích cực ứng dụng công nghệ mới vào quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ nhằm giảm thời gian chờ đợi của khách hàng, nâng cao hình thức và chất lượng phục vụ.



CÁC RỦI RO

Rủi ro về dịch bệnh Covid-19

- Đại dịch Covid-19 đã và đang tác động nghiêm trọng tới ngành Hàng không thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Đầu năm 2021, lượng hành khách được cải thiện do sự tích cực từ những biện pháp kiểm soát dịch bệnh tại Việt Nam, lượng khách nội địa là động lực chính giúp lượng hành khách vận chuyển đường hàng không có sự phục hồi mạnh mẽ trở lại. Tuy nhiên trong đợt dịch bùng phát trở lại mạnh mẽ hơn vào giữa T4-T5 năm 2021 ở hai trung tâm kinh tế sôi động nhất nước ta là HCM & HN và chính sách cách li toàn xã hội trong vòng 2 tháng đã sụt giảm hoàn toàn lượng vận tải hành khách. Sau đó với các phương án tiêm chủng vacxin T10-2021 lượng khách đã phục hồi nhẹ so với con số đạt đáy sâu của 3 tháng trước đó. Nhu cầu đi lại thấp ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng lực khai thác của các hãng hàng không.



Rủi ro về kinh tế

- Năm 2021, đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu với những biến thể mới, cản trở đà phục hồi của kinh tế thế giới. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế năm 2021 chỉ ở mức 2,58%, thấp nhất trong vòng 30 năm qua. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn nỗ lực duy trì mức tăng trưởng GDP dương, thậm chí xuất khẩu đạt kỷ lục mới, vào Top 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại quốc tế.

- Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép "vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội", kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2021 đạt mức thấp nhất trong vòng 30 năm qua nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới.

Rủi ro về lãi suất và tỷ giá

- Công ty có các giao dịch hoạt động tiền gửi và tiền vay đối với các tổ chức tín dụng trong nước. Khi có sự biến động tăng lãi suất, Công ty sẽ phải chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã ký kết. Tuy nhiên, rủi ro này đã được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

- Công ty có mua hàng hóa từ các nhà cung cấp ngoài nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của Công ty có dòng tiền thu vào và chi ra bằng đô la (USD) vì vậy khi tỷ giá hối đoái biến động làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến để lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của động đất, lũ lụt, hỏa hoạn ... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại đến tài sản cũng như làm gián đoạn hoạt động kinh doanh. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như hình ảnh hoạt động chung của Công ty. Để quản trị những rủi ro này, Công ty thường xuyên tuyên truyền, tập huấn cho CBCNV kỹ năng phòng cháy chữa cháy, mua bảo hiểm cho tài sản Công ty, ...



VỊ THẾ CÔNG TY

Điểm mạnh

- NASCO là doanh nghiệp uy tín trong việc cung cấp các dịch vụ tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài.
- Công ty đã đạt được thị phần nhất định tại Cảng hàng không, cơ sở vật chất được đầu tư và khai thác có hiệu quả.
- Doanh nghiệp có dịch vụ tốt, nhiều chính sách hỗ trợ, chuyên nghiệp và trách nhiệm với khách hàng.
- Dịch vụ đóng gói hàng hóa, hành lý giúp khách hàng khắc phục các vấn đề kỹ thuật về hành lý, đảm bảo an toàn tài sản, phù hợp với yêu cầu của nhà vận chuyển hàng không.
- NASCO là doanh nghiệp có uy tín tại Sân bay quốc tế Nội Bài trong lĩnh vực bảo dưỡng và sửa chữa các dòng xe ô tô từ 5 - 47 chỗ ngồi, xe tải nhẹ, xe đầu kéo và xe đặc chủng sân thấp chở khách trong sân đỗ tàu bay

Cơ hội

- Công ty nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, phối hợp của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam trong quá trình hoạt động kinh doanh.
- Việt Nam là nước đang phát triển, Nhà nước đang định hướng cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ do đó càng nhiều khách thăm quan đến Việt Nam, vì vậy lưu lượng khách qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài tiếp tục tăng.
- Hàng không Việt Nam đang đứng trước triển vọng phục hồi khi dự kiến lượng khách quốc tế đi/đến Việt Nam sẽ tăng mạnh trong giai đoạn tới và sớm khôi phục trở lại như giai đoạn trước dịch COVID-19. Các đường bay quốc tế nối tiếp nhau được khôi phục lại; mạng lưới đường bay nội địa đã gần như được khôi phục hoàn toàn.

Thách thức

- Thị phần bị chia sẻ: Một số loại hình kinh doanh trước đây có nhiều lợi thế như: bán hàng miễn thuế; lưu niệm, ăn uống giải khát tại khu vực sảnh công cộng, vận chuyển khách bằng sân đỗ máy bay sẽ chịu tác động bất lợi do vị trí kinh doanh.
- Nhà ga T1 được quy hoạch lại là nguy cơ chia sẻ thị phần của NASCO và phát sinh chi phí đầu tư cải tạo các điểm kinh doanh tại Nhà ga T1.
- Cảng hàng không quốc tế Nội Bài cổ phần hóa, NASCO có thêm nhiều đối thủ có tiềm lực tài chính đầu tư vào dịch vụ phi hàng không nhất là lĩnh vực kinh doanh miễn thuế, ăn nhanh giải khát.
- Thách thức về yếu tố dịch bệnh: Dịch bệnh Covid-19 đã giáng một cú sốc mạnh vào nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng. Do Chính phủ áp dụng những biện pháp hạn chế đi lại để phòng chống dịch bệnh, chính sách này ảnh hưởng trực tiếp đến các dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách, dịch vụ ăn uống, mua sắm tại sân bay của Công ty.

Vị thế:

- Công ty luôn được xếp hạng doanh nghiệp loại A với sự tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, thu nộp ngân sách nhà nước, tạo được việc làm và thu nhập cao đối với người lao động. Trong ngành hàng không hiện nay, trên các lĩnh vực dịch vụ:
- Dịch vụ vận chuyển khách sân đỗ tàu bay tại sân bay Nội Bài: Là doanh nghiệp hàng đầu trong vận chuyển bằng xe chở khách chuyên dụng.
 - Dịch vụ phòng khách thương gia: Là doanh nghiệp có phòng chờ thương gia nội địa xếp thứ 2 trong hệ thống phòng chờ liên minh Sky Team, phòng chờ quốc tế xếp hạng nhất tại sân bay Nội Bài.
 - Dịch vụ bán hàng miễn thuế: Là doanh nghiệp xếp hạng thứ 2 trong số 03 doanh nghiệp.
 - Dịch vụ bán hàng bách hóa và lưu niệm tại nhà ga hành khách T1 và T2: Là doanh nghiệp có tổng diện tích kinh doanh chiếm 36% tổng diện tích mặt bằng kinh doanh phi hàng không.
 - Dịch vụ nhà hàng ăn uống tại T1 chiếm 36% diện tích kinh doanh tại nhà ga T1.
 - Dịch vụ vận chuyển xe tuyến: Là doanh nghiệp hàng đầu chuyên chở toàn bộ công nhân viên các đơn vị thuộc tổng công ty HKVN tại Nội Bài và một số doanh nghiệp lớn không thuộc VN.



Điểm yếu

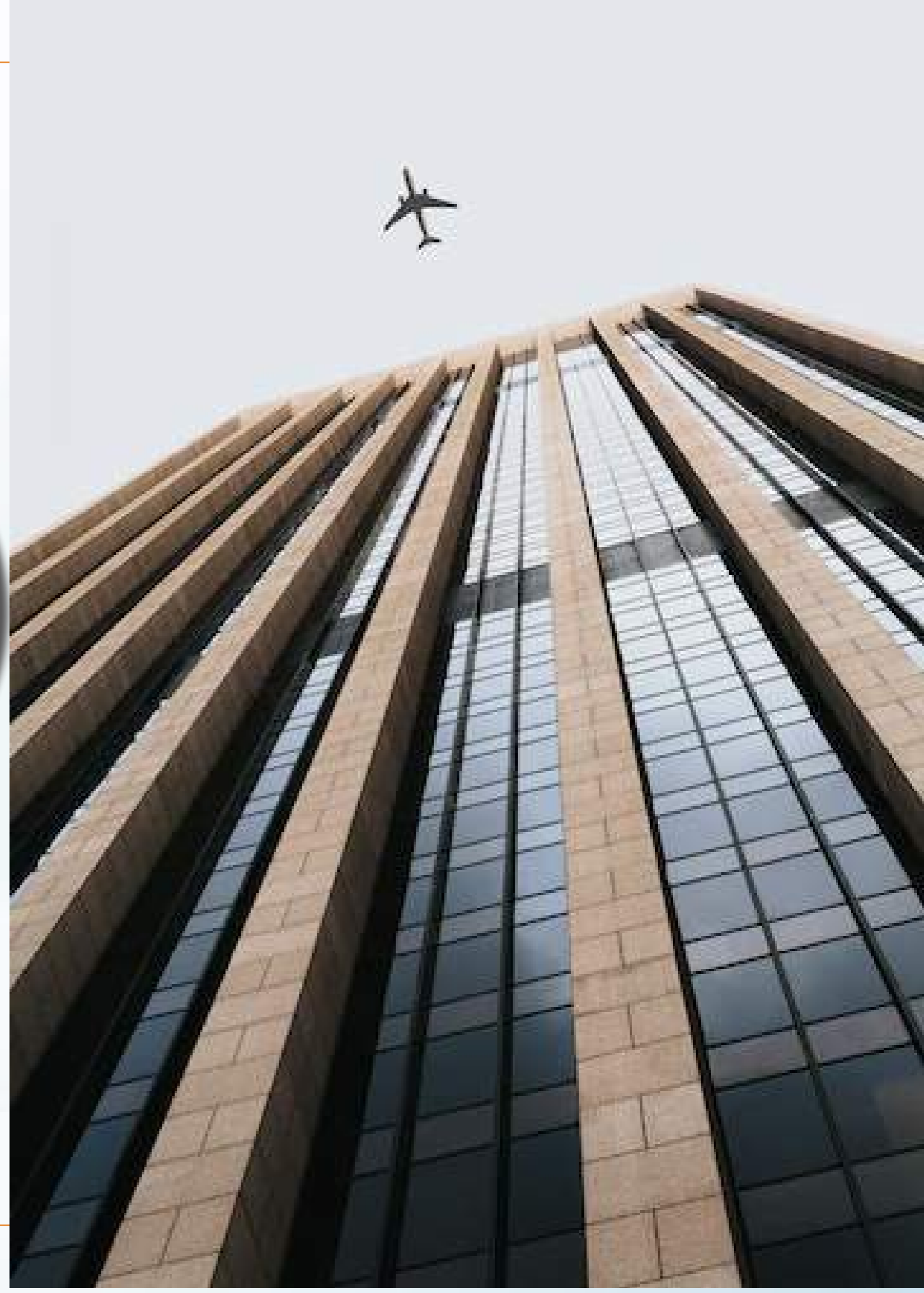
- Công ty phải triển khai đầu tư các điểm kinh doanh, chi phí đầu tư và chi phí thuê mặt bằng dự kiến tăng cao.
- Hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc phần lớn vào hoạt động của sân bay Nội Bài. Năm vừa qua, hoạt động sân bay Nội Bài bị gián đoạn, kéo theo gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.



C

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình thực hiện, đầu tư các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thông tin ngành:

- Báo cáo của Hãng phân tích dữ liệu hàng không Cirium cho thấy, chỉ sau gần 2 năm đại dịch Covid-19 hoành hành, thành quả của 15 năm tăng trưởng hàng khách toàn cầu liên tục hoàn toàn bị xóa sạch. Tuy nhiên, tổng số chuyến bay chở khách trên toàn cầu 10 tháng năm 2021 đạt khoảng 17,88 triệu chuyến, có dấu hiệu khởi sắc khi tăng 19,2% so với năm 2020 (khoảng 15 triệu chuyến) dù vẫn giảm sâu gần 40% so với cùng kỳ năm 2019 (28,98 triệu chuyến). Đối lập với bức tranh hồi phục hàng không toàn cầu, tại Việt Nam, do đợt bùng phát Covid-19 lần thứ 3 ngay dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu vào tháng 1/2021 và đợt bùng phát lần thứ 4 vào mùa cao điểm hè 2021 với những biện pháp phong tỏa khắt nghiệt chưa từng có khiến các hãng hàng không Việt lâm vào trạng thái bị đất nhất trong lịch sử.

- Báo cáo Cục Hàng không Việt Nam cho thấy năm 2021, tổng số chuyến bay các hãng hàng không khai thác chỉ đạt 126.280 chuyến, giảm 41,7% so với cùng kỳ và tụt dốc gần 60% so với thời điểm trước dịch năm 2019 (307.596 chuyến bay). Các đường bay thường lệ quốc tế “đóng băng” hoàn toàn kể từ đợt bùng phát đầu tiên, ngoại trừ các chuyến bay đưa công dân Việt Nam trở về hoặc chở các chuyên gia nước ngoài. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tính chung năm 2021, khách quốc tế đến bằng đường hàng không đạt 111,1 nghìn lượt người, chiếm 70,6% lượng khách quốc tế đến Việt Nam, tụt dốc 96,4% so với năm trước. Hành khách nội địa từng coi là “cứu cánh” cho các hãng hàng không nội địa, nhưng từ tháng 6/2021 khi TP. HCM thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 15, sản lượng hành khách nội địa sụt giảm nghiêm trọng khi quý 3/2021 tụt dốc thẳng đứng 97,1% so với cùng kỳ, chỉ đạt 331.000 khách. Luỹ kế 12 tháng, hành khách nội địa qua đường hàng không giảm 56,6% so với cùng kỳ xuống 14 triệu khách.

- Điểm sáng duy nhất trong năm 2021 trong vận chuyển hàng hóa với 1,25 triệu tấn hàng hóa, tăng 15% so với năm 2020. Ngoài ra, với sự nỗ lực của các hãng hàng không cùng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không và các cơ quan quản lý... thị trường hàng không Việt Nam đã dần hồi phục những bước đầu tiên vào cuối năm 2021 với việc khai thác trở lại tất cả các đường bay, tăng tần suất phục vụ nhu cầu đi lại an toàn của người dân dịp cuối năm. Ngày 10/10 vừa qua, 11 chuyến bay thương mại nội địa chính thức cất cánh trở lại ở cả ba miền. Khách quốc tế đến Việt Nam tháng 12 tăng 14,2% so với tháng trước và nhích tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước do Việt Nam đang thực hiện lộ trình thí điểm đón khách du lịch quốc tế từ tháng 11/2021, các chuyến bay thương mại quốc tế bắt đầu được khôi phục.



Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021

Cơ cấu doanh thu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng giảm 2021 / 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	338.573	251.288	-25,78%
Doanh thu hoạt động tài chính	25.553	12.854	-49,7%
Tổng cộng	364.126	264.142	-27,46%

Trong năm 2021, kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề từ bởi dịch bệnh, trước tình hình đó, thị trường hàng không quốc tế và trong nước tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh. Trong năm 2021, trong nước bùng phát 02 đợt dịch lớn vào tháng 02 và từ đầu tháng 05 đến cuối tháng 9/2021 với sự xuất hiện và lây lan nhanh của biến chủng Delta. Trong thời gian dịch bệnh bùng phát tình hình SXKD của Công ty ngày càng gặp nhiều khó khăn, nhất là sau khi TP. Hà Nội áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội từ ngày 24/07 đến 21/09. Kết thúc năm 2021, công ty NAS ghi nhận doanh thu thuần giảm 25,78% so với cùng kỳ trong đó doanh thu từ dịch vụ vận chuyển vẫn là hoạt động chính đem lại doanh thu cao nhất chiếm 60,64% trong tổng doanh thu thuần của công ty, giảm tương ứng 11,67% so với năm 2020. Doanh thu thuần của công ty có sự sụt giảm nguyên nhân chủ yếu đến từ việc dịch vụ nhà hàng, ăn uống bị đình trệ hoạt động do tình hình dịch bệnh làm cho doanh thu dịch vụ nhà hàng, ăn uống giảm 47,13% so với năm 2020. Đồng thời, Doanh thu hoạt động tài chính của công ty cũng bị suy giảm từ 364.126 triệu đồng xuống còn 264.142 triệu đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm 27,46% so với năm 2020.

Cơ cấu chi phí:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng giảm 2021 / 2020
Giá vốn hàng bán	189.008	161.899	-14,34 %
Chi phí tài chính	9.919	102.393	932,29 %
Chi phí bán hàng	118.706	84.475	-28,84 %
Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.118	38.960	-17,31 %
Chi phí khác	997	861	-13,64 %
Tổng cộng	365.748	388.588	6,25 %

Nhìn chung khoản mục giá vốn hàng bán vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu tổng chi phí của NAS (hơn 51%). Trong năm 2021, giá vốn hàng bán giảm 14,34% so với cùng kỳ do thị trường hàng không bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 trong năm 2021 khiến lưu lượng hàng hóa mà công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh bị suy giảm. Bên cạnh đó, chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 chiếm 12,46% cơ cấu chi phí của NAS, giảm 17,31% so với cùng kỳ trong đó khoản mục chi phí nhân viên quản lý chiếm 41,8% chi phí quản lý doanh nghiệp.

Biên lợi nhuận gộp

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Doanh thu thuần	573.091	595.423	338.573	251.288
Lợi nhuận gộp	258.936	280.042	149.565	89.389
Biên lợi nhuận gộp (%)	45,18	47,03	44,18	35,57

Với kết quả kinh doanh bị suy giảm đáng kể trong năm 2021 do những tác động tiêu cực của dịch bệnh, lợi nhuận gộp của NAS giảm mạnh 73.6 % so với cùng kỳ đạt giá trị 89.389 triệu đồng. Điều này có thể được lý giải do doanh thu thuần năm 2021 giảm dẫn đến mức biên lợi nhuận giảm từ 44,18% xuống 35,57%.

Kết quả đạt được so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2021	TH năm 2021	% KH năm 2021
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	217.666	104.747	48,1
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	0.109	-80.888	-
Cổ tức	%	0.00	0.00	-

Kết thúc năm 2021, Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không Sân bay Nội Bài ghi nhận doanh thu thuần đạt được 48,1% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế của NAS đạt giá trị -80.888 triệu đồng, thấp hơn nhiều so với mục tiêu mà công ty đặt ra. Điều này có thể được lý giải bởi sự ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh đến ngành hàng không. Trong năm 2021 các điểm kinh doanh tại khu vực nhà ga Quốc tế, một số điểm kinh doanh tại sảnh E nhà ga nội địa vẫn chưa hoạt động trở lại do tần suất các chuyến bay rất thấp. Trong khoảng thời gian TP Hà Nội áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội từ ngày 24/07 đến hết tháng 9/2021, hầu hết tất cả các điểm kinh doanh của Công ty tại Cảng HKQT Nội Bài đều tạm dừng hoạt động và không có doanh thu.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Giới thiệu Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ
Ban Tổng giám đốc		
1	Ông Trần Việt Phương	Tổng Giám đốc
2	Ông Phan Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Trần Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng		
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban

Ông Trần Việt Phương - Tổng Giám đốc:

Họ tên	Ông Trần Việt Phương
Giới tính	Nam
Năm sinh	13/12/1974
Trình độ học vấn	Thạc sỹ kinh tế, cử nhân ngành ngân hàng

Ông Phan Thanh Bình - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên	Ông Phan Thanh Bình
Giới tính	Nam
Năm sinh	11/11/1972
Trình độ học vấn	Cử nhân ngành kinh tế ngoại thương -ĐH Ngoại thương

Ông Trần Xuân Cường - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên	Ông Trần Xuân Cường
Giới tính	Nam
Năm sinh	07/10.1971
Trình độ học vấn	Kỹ sư kinh tế tổ chức vận tải ô tô, cử nhân ĐH Luật

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kế toán trưởng

Họ tên	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kế toán trưởng
Giới tính	Nữ
Năm sinh	17/07/1968
Trình độ học vấn	Thạc sỹ QTKD, cử nhân kinh tế kế hoạch ăn uống

Những thay đổi trong Ban điều hành

Hội đồng quản trị công ty đã thông qua Nghị quyết số 66/NQ-NASCO/HĐQT ngày 24/06/2021 trong đó có nội bổ nhiệm ông Phan Thanh Bình chức vụ Phó tổng giám đốc NASCO, thời gian có hiệu lực bắt đầu từ ngày 01/08/2021.

Nhân sự và chính sách nhân sự

Tính đến 31/12/2021, Công ty có 513 lao động ký Hợp đồng trực tiếp với Công ty:

STT	Tiêu chí	Số lượng năm 2020 (người)	Số lượng năm 2021 (người)	Tỷ trọng 2021
I Theo trình độ lao động				
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	216	213	41.52%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	78	74	14.42%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	197	190	37.04%
4	Lao động phổ thông	41	36	7.02%
II Theo đối tượng lao động				
1	Lao động trực tiếp	375	376	73.29%
2	Lao động gián tiếp	157	137	26.71%
III Theo giới tính				
1	Nam	236	227	44.25%
2	Nữ	296	286	55.75%
Tổng cộng	532	532	100	100



Chính sách lao động

Chính sách về lương, thưởng:

- Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty được ban hành trên tinh thần đảm bảo công bằng, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực, nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm đối với công việc.

- Thu nhập của người lao động tại Công ty là thu nhập theo tháng, dựa trên mức thu nhập Công ty trích, nộp các khoản kinh phí Công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, thuế Thu nhập cá nhân cho cán bộ, công nhân viên.

Chính sách về trợ cấp:

- Ngoài tiền lương, thưởng, cán bộ công nhân viên tại NASCO còn được hưởng các khoản trợ cấp, phụ cấp khác tùy thuộc vào đặc thù công việc, vị trí công tác, năng lực của mỗi người (như phụ cấp điện thoại, xăng dầu, công tác phí,...).

- Công tác chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên luôn được quan tâm. Hàng năm cán bộ, công nhân viên đều được khám sức khỏe định kỳ. Người lao động ốm dài ngày, mắc bệnh hiểm nghèo cũng được Công ty trợ cấp. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn quan tâm đến thân nhân, gia đình người lao động, thường xuyên có các hoạt động hỗ trợ những gia đình có người thân đau ốm, hiếu, hỉ,...



Chính sách thu hút đào tạo nguồn nhân lực:

- Với môi trường làm việc chuyên nghiệp, chính sách đãi ngộ người lao động hợp lý, NASCO đã có được nguồn nhân lực có năng lực và kinh nghiệm. Bên cạnh đó, quá trình tuyển dụng, đào tạo của Công ty được xây dựng khoa học và linh hoạt. Việc tuyển dụng lao động của Công ty được thực hiện qua các phương tiện thông tin đại chúng, website Công ty.

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài trong năm 2021 đã tổ chức tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ và quản lý cho cán bộ, công nhân viên và người lao động trong Công ty. Cụ thể:

- + Đào tạo chứng chỉ An Ninh Hàng không cho nhân viên làm việc tại Cảng HKQT Nội Bài.
- + Đào tạo chứng chỉ lái xe sân đỗ cho lái xe chở khách trong sân đỗ tàu bay.
- + Đào tạo chứng chỉ ATVSLĐ, chứng chỉ PCCC.
- + Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho chuyên viên, nhân viên làm công tác chuyên môn nghiệp vụ....

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tên dự án	Tên nhà đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Quy mô dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư dự án	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án
Xây mới các phòng khách thương gia Nội địa	Công ty cổ phần Dịch vụ HKSB Nội Bài	Đầu tư mới 02 phòng khách hạng thương gia tại Nhà ga T1 - Cảng HKQT Nội Bài phục vụ các đối tượng khách hạng C, khách VIP có nhu cầu sử dụng phòng C, tiêu chuẩn xây dựng, TTB lắp đặt theo tiêu chuẩn 4sao của VNA trở lên	02 phòng khách hạng thương gia có tổng diện tích mặt bằng: 287m2.	Cảng HKQT Nội Bài - Phú Minh - Sóc Sơn - Hà Nội	11.148	4/2021-8/2022

Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết 2021

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 1/1/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1. Đầu tư vào công ty con	57.720	(43.872)	13.847	57.720	8	57.720
- Công ty cổ phần Giao nhận hàng hóa Nasco	57.720	(43.872)	13.847	57.720	8	57.720
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.280	(990)		1.280	(764)	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	1.280	(990)	289	1.280	(764)	515
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.694	-		6.694	-	
- Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	6.694	-	150.232	6.694	-	127.935

Tình hình hoạt động tại công ty con, công ty liên kết

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng giảm 2021/2020
1	Tổng tài sản	373.190	236.436	63,36%
2	Doanh thu thuần	200.546	104.747	52,23%
3	Lợi nhuận trước thuế	108	-80.814	-
4	Lợi nhuận sau thuế	183	-80.889	-

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2020	Tăng giảm 2021/2020
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	266.481	445.793	-40,22%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	251.288	338.573	-25,78%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	Triệu đồng	(127.811)	(778)	-
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(319)	566	-156,36%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(128.130)	(211)	-
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(137.067)	(319)	-

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty NAS trong năm 2021 bị sụt giảm nặng nề nghiêm trọng. Điều này có thể được lý giải bởi những tác động nặng nề của dịch bệnh Covid-19 đến ngành hàng không nói chung và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của NAS nói riêng. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bị đình trệ hoạt động do tần suất các chuyến bay rất thấp, hầu hết tất cả các điểm kinh doanh của Công ty đều tạm dừng hoạt động và không có doanh thu hoặc hoạt động nhưng thu được doanh thu thấp.



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSNH/NNH	Lần	1,41	1,46	1,03	0,75
Hệ số thanh toán nhanh = (TSNH-HTK)/NNH	Lần	1,34	1,20	0,91	0,70
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản	%	33,96	48,93	57,25	79,36
Tỷ lệ Nợ / VCSH	%	66,56	95,8	133,93	384,2
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	39,45	14,24	7,00	15,13
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Vòng	1,67	1,38	0,76	0,94
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
ROS	Lần	4,62	6,46	-0,09	-54,55
ROE	Lần	13,2	14,91	-0,22	-74,53
ROA	Lần	7,98	8,21	-0,1	-25,7
LNHDKD/DTT	Lần	5,19	7,12	-0,23	-50,86

Đánh giá:

- Khả năng thanh toán:

Tổng quan năm 2021, chỉ số thanh toán của công ty đang thấp hơn so với năm 2020 cụ thể chỉ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,03 xuống 0,75 lần và hệ số thanh toán nhanh từ 0,91 lần xuống 0,75 lần. Trong năm 2021, tình hình kinh doanh của NAS gặp nhiều khó khăn khiến cho sự sụt giảm từ khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền giảm đến 41,29% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, mức nợ ngắn hạn của công ty năm nay được ghi nhận giảm 18,24% so với cùng kỳ nguyên nhân do trong năm khoản mục người mua trả tiền trước giảm 24,68% so với năm vừa qua cho thấy mức độ ít bị chiếm dụng vốn của NAS trong năm 2021.

- Cơ cấu vốn:

Năm 2021, hệ số nợ/ Tổng tài sản của công ty tăng từ 57,25% lên 79,36%; hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu tăng từ 133,93% lên 384,2%. Điều này cho thấy cơ cấu tài chính năm nay của NAS chưa tốt khi bị phụ thuộc quá nhiều vào các khoản nợ vay. Tổng nợ của công ty không có nhiều biến động mạnh chủ yếu vốn chủ sở hữu của công ty giảm mạnh 71,14% so với cùng kỳ năm 2020, thể hiện công ty chưa có hệ số công nợ ở mức an toàn và kiểm soát chưa tốt mức nợ phải trả đảm bảo sức khỏe tài chính ổn định.

- Năng lực hoạt động:

Năm 2021, vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,76 lên 0,94 vòng cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của công ty được cải thiện tốt hơn so với năm trước. Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho tăng lên 15,13 vòng năm 2021 so với mức 7 vòng năm 2020 do số lượng hàng tồn kho trong năm 2021 giảm 71,49% so với năm 2020.

- Khả năng sinh lời:

Các chỉ số ROS, ROA, ROE đều sụt giảm đáng kể so với năm trước, cho thấy hiệu quả trên vốn chủ sở hữu của NAS giảm xuống, làm giảm hiệu quả đồng vốn của cổ đông đầu tư ngày càng giảm.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cơ cấu cổ đông

Phân loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ(%)
Cổ động lớn	5.141.536	61,84
Cổ động nhỏ	3.172.565	38,16
Tổng	8.314.101	100
Cổ đông cá nhân	2.559.679	30,79
Cổ đông tổ chức	5.754.422	69,21
Tổng	8.314.101	100
Cổ đông trong nước	8.243.171	99,15
Cổ đông nước ngoài	70.930	0,85
Tổng	8.314.101	100

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Loại cổ đông	Số CMND	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ CP năm giữ
1	Tổng công ty hàng không Việt Nam	Cổ đông Nhà nước	0100107518	4.241.160	51,00%
2	Ông Đỗ Hữu Nghĩa	Cổ đông lớn	025404912	900.376	10,83%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2021: không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm

D

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2021
- Những nét nổi bật trong KQHĐSXKD của Cty 2021
- Tình hình hoạt động tài chính công ty 2021
- Kế hoạch hoạt động trong năm 2022



Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2021

Bối cảnh chung

- Dịch bệnh Covid 19 vẫn đang diễn biến phức tạp, khó lường trên thế giới và trong nước mặc dù vắc xin đã được tiêm chủng rộng rãi.

- Trong năm 2021, trong nước bùng phát 02 đợt dịch lớn vào tháng 02 và từ đầu tháng 05 đến cuối tháng 9/2021 với sự xuất hiện và lây lan nhanh của biến chủng Delta. Trong thời gian dịch bệnh bùng phát tình hình SXKD của Công ty ngày càng gặp nhiều khó khăn, nhất là sau khi TP. Hà Nội áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội từ ngày 24/07 đến 21/09.



- Cuối tháng 8/2021, Cục HKVN yêu cầu dừng bán vé đường bay nội địa, đến 01/10/2021 mới cho phép hoạt động bay trở lại. Thời gian đầu sau giãn cách sản lượng khách thấp và phục hồi chậm.

- Trong năm 2021 các điểm kinh doanh tại khu vực nhà ga Quốc tế, một số điểm kinh doanh tại sảnh E nhà ga nội địa vẫn chưa hoạt động trở lại do tần suất các chuyến bay rất thấp. Trong khoảng thời gian TP Hà Nội áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội từ ngày 24/07 đến hết tháng 9/2021, hầu hết tất cả các điểm kinh doanh của Công ty tại Cảng HKQT Nội Bài đều tạm dừng hoạt động và không có doanh thu.

Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty



Các yếu tố tích cực:

- Công ty vẫn duy trì HTKD và có nguồn thu ổn định với một số đối tác như: Ngân hàng SHB, ngân hàng VP Bank.

- Công ty vẫn duy trì được một số nguồn thu ngoài hoạt động SXKD chính như: Cho thuê quảng cáo, tài trợ, cho thuê văn phòng, mặt bằng.

- Hoạt động đầu tư tài chính vào NCTS vẫn mang lại hiệu quả cao cho công ty.



Các yếu tố tiêu cực:

- **Doanh thu:** Do ảnh hưởng của dịch bệnh nên doanh thu của Công ty năm TH 2021 giảm mạnh.:

+ DT tại các điểm KD nhà ga T2 giảm mạnh (Phòng C Quốc tế không hoạt động từ tư Quý IV như KB Kế hoạch.

+ Không có doanh thu tại 02 phòng C (A+B) hợp tác KD như dự kiến kế hoạch.

+ Giảm DT từ HTKD với các đối tác trong thời gian tạm dừng HĐ.

+ Giảm DT từ tài trợ quảng cáo do các điểm KD dừng hoạt động.

+ Giảm thu cổ tức từ Nasco Logistics.

+ Doanh thu các lĩnh vực khác giảm mạnh do dịch bệnh

- **Chi phí :** Trong điều kiện kinh doanh gặp nhiều khó khăn, Công ty triệt để tiết kiệm tối đa các chi phí để đảm bảo hiệu quả KD

+ Một số điểm KD dừng hoạt động, không có DT vẫn phải trả chi phí thuê mặt bằng (Các điểm KD sảnh E, điểm KD tại T2)

+ Phát sinh chi phí lãi vay các khoản vay ngắn hạn để đảm bảo KD.

+ Chủ động giãn thời gian khấu hao TSCĐ.

+ Phát sinh các khoản dự phòng đầu tư RNDN và nợ phải thu khó đòi.



Những nét nổi bật trong KQHĐSXKD của Công ty năm 2021

Chỉ tiêu kết quả SXKD chủ yếu trong năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	%KH năm 2021	TH năm 2021	TH năm 2020	% KH năm 2021	Tăng trưởng 2021/2020
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	238.30	118.89	226.63	49.9	52.5
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	217.67	104.75	200.55	48.1	52.2
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0.11	-80.89	0.18		
4	Cổ tức	%	0.00	0.00	0.00		

Những tiến bộ Công ty đã đạt được trong năm 2021 so với năm 2020:

- Về cơ cấu tổ chức:

+ Sắp xếp, tổ chức lại một số bộ phận của các đơn vị trong công ty để giảm đầu mối và lao động gián tiếp: Đến cuối năm 2021 giảm 07/19 bộ phận trực thuộc các đơn vị (Giảm 36,84%), giảm định biên 21 cán bộ quản lý bộ phận, tiết kiệm 4,6 tỷ đồng/năm.

+ Trong năm Công ty đã lập hồ sơ NLD tạm hoãn, nghỉ không lương để nghị hưởng trợ cấp của CP theo NQ số 68/NQ-CP ngày 01/07/2021: Từ tháng 05-08/2021 số LĐ được hỗ trợ là: 210 LĐ, tổng số tiền được hưởng 857,1 triệu đồng.

- Về công tác quản lý:

+ Tìm kiếm được thêm các đối tác HTKD để tăng doanh thu phụ trợ (Esperantour, ngân hàng Nam Á).
 + Đẩy mạnh tăng nguồn doanh thu phụ trợ (tài trợ, quảng cáo, hợp tác kinh doanh)
 + Cơ cấu lại tổ chức theo hướng tinh gọn, sắp xếp lao động hợp lý trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp và kéo dài.

+ Chủ động rà soát các khoản mục chi phí không trực tiếp ảnh hưởng tới hoạt động SXKD hoặc chưa cần thiết trong thời gian diễn ra dịch bệnh để triển khai các phương án điều chỉnh chi phí SXKD phù hợp với mức độ giảm doanh thu do

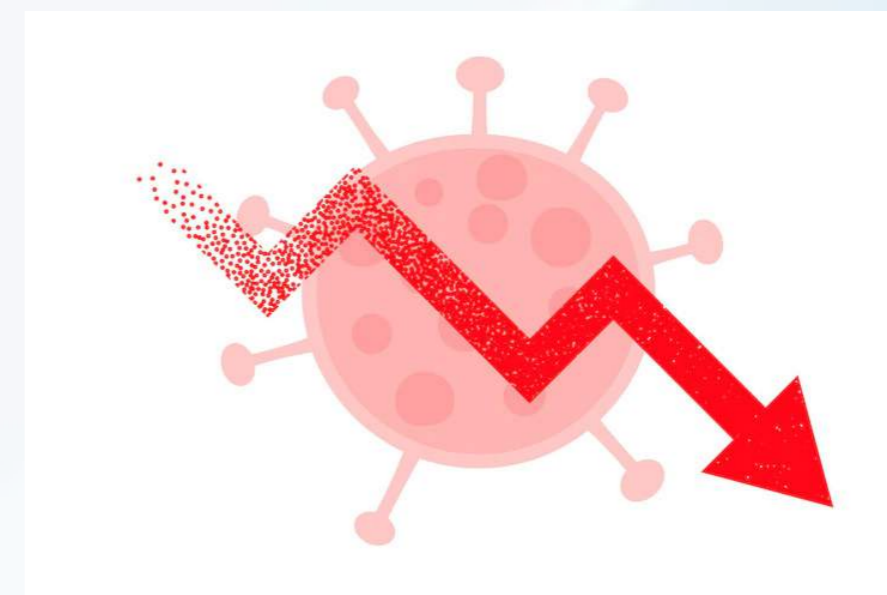
Nguyên nhân của việc đạt/ không đạt kế hoạch:

+ Sản lượng khách sử dụng dịch vụ trong năm 2021 đạt thấp do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 (Sản lượng Phòng C 44,8% KH, sản lượng hành khách vận chuyển sân đỗ chỉ đạt 50% KH).

+ Một số điểm KD tại nhà ga T2 không có doanh thu trong năm 2021: Phòng C Quốc tế (kịch bản KH có doanh thu từ Quý IV)

+ Trong khoảng thời gian TP Hà Nội áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội từ ngày 24/07 đến hết tháng 9/2021, hầu hết tất cả các điểm kinh doanh của Công ty tại Cảng HKQT Nội Bài đều tạm dừng hoạt động và không có doanh thu.

+ 02 Phòng C Nội địa (A+B) hợp tác với Nam Á Bank và Esperantour không đi vào hoạt động như dự kiến KH.



+ Một số chi phí đầu vào lớn đối với hoạt động kinh doanh tăng mạnh (chi phí lãi vay, NNVL) ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty trong khi các nguồn thu giảm rất mạnh.

+ Công ty phải trích lập dự phòng lỗ đầu tư RNDN tại các Công ty có vốn góp (Nasco Logistics, VSSI) là 44,11 tỷ đồng do các Công ty này bị lỗ, nhất là Nasco Logistics lỗ 89,34 tỷ đồng do phải trích lập 90 tỷ đồng đầu tư vào Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 1,63 tỷ đồng.

Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2021



Tình hình tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%Tăng giảm 2021/2020	Tỷ trọng 2020	Tỷ trọng 2021
Tài sản ngắn hạn	144.430	78.690	-45,52	32,4	29,53
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.475	18.480	-41,29	7,06	6,93
Đầu tư tài chính ngắn hạn	33.637	11.100	-67	7,55	4,17
Các khoản phải thu ngắn hạn	55.103	41.158	-25,31	12,36	15,45
Hàng tồn kho	16.649	4.747	-71,49	3,73	1,75
Tài sản ngắn hạn khác	7.564	3.203	-57,65	1,7	1,2
Tài sản dài hạn	301.362	187.790	-37,69	67,6	70,47
Các khoản phải thu dài hạn	1.759	2.003	13,87	0,39	0,75
Tài sản cố định	162.933	160.611	-1,43	36,55	60,27
Bất động sản đầu tư	13.136	12.268	-6,61	2,95	4,6
Tài sản dở dang dài hạn	23.031	0.180	-99,22	5,17	0,07
Đầu tư tài chính dài hạn	97.211	6.983	-92,82	21,81	2,62
Tài sản dài hạn khác	3.289	5.743	74,61	0,74	2,16
Tổng tài sản	445.793	266.480	-40,22	100	100

Nhìn chung tổng tài sản năm 2021 đã đạt giá trị 266.480 triệu đồng giảm 40,22 % so với năm 2020, cơ cấu tổng tài sản không có sự thay đổi chiếm tỷ trọng chủ yếu vẫn là tài sản dài hạn (70,47% cơ cấu tài sản), giảm 37,69 % so với cùng kỳ . Trong đó tài sản cố định chiếm 60,27% cơ cấu tổng tài sản, giảm nhẹ 1,43% so với cùng kỳ năm ngoái. Tài sản ngắn hạn của NAS chiếm tỷ trọng 29,53% cơ cấu tổng tài sản, giảm 45,52% so với năm vừa qua. Trong đó, đóng góp chính vào tài sản ngắn hạn là khoản phải thu ngắn hạn, chiếm 15,45 tỷ trọng, giảm 25,31% so với cùng kỳ năm ngoái.



Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%Tăng giảm 2021/2020	Tỷ trọng 2020	Tỷ trọng 2021
Nợ ngắn hạn	139.984	105.436	-24,68	54,85	49,86
Phải trả người bán ngắn hạn	40.814	23.722	-41,88	15,99	11,22
Phải trả người lao động	13.952	18.499	32,59	5,47	8,75
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.978	3.852	29,35	1,17	1,82
Phải trả ngắn hạn khác	4.471	5.868	31,25	1,75	2,77
Vay ngắn hạn	69.374	48.584	-29,97	27,18	22,97
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.941	3.371	-51,43	2,72	1,59
Nợ dài hạn	115.240	106.044	-7,98	45,15	50,14
Phải trả dài hạn khác	3.640	3.827	5,14	1,43	1,81
Vay dài hạn	111.599	93.267	-16,43	43,73	44,1
Tổng nợ phải trả	255.225	211.481	-17,14	100	100

Tổng nợ phải trả của NAS có xu hướng giảm nhẹ so với những năm trước , giảm từ 255.225 triệu đồng năm 2020 xuống 211.481 triệu đồng trong năm 2021. Khoản vay ngắn hạn của NAS chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu nợ ngắn hạn, chiếm 22,97% giảm 29,97% so với cùng kỳ năm ngoái . Nợ dài hạn năm 2021 chiếm 50,14% cơ cấu tổng nợ phải trả, giảm nhẹ 7,98% so với năm 2020.

Kế hoạch hoạt động trong năm 2022

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2021	KH năm 2022
1	Doanh thu thuần	Đồng	104,747.41	317,523
2	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	-80,888	84,167
3	Trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	0.00	0.00
4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	0.00	0.00
5	Chia cổ tức	Đồng	0.00	0.00



Đánh giá các mảng hoạt động kinh doanh chính của Công ty và Kế hoạch phát triển trong giai đoạn tới (1-5 năm)

Nhìn chung, tình hình dịch bệnh đã ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, xét về lâu dài, lĩnh vực kinh doanh của Công ty và phương thức đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh mà Công ty lựa chọn là khả quan. Cần tiếp tục cải thiện hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả cũng như chất lượng cung cấp dịch vụ. Công ty vẫn luôn đảm bảo cân đối các nguồn tiền phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, trả lương cho người lao động, trả các khoản lãi vay ngân hàng, quản lý tốt các khoản công nợ không phát sinh thêm các công nợ khó đòi



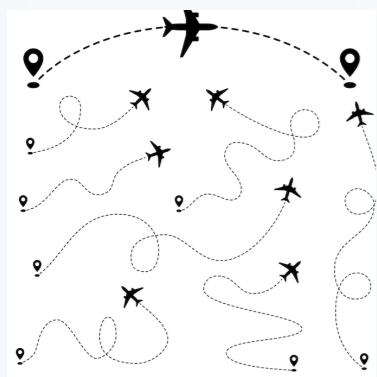
E

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá chung của HĐQT về tình hình kinh tế, ngành
- Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Nhận xét, đánh giá chung của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2021
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT trong năm 2022



Đánh giá chung của HĐQT về tình hình kinh tế, ngành



Trước diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19, thị trường hàng không quốc tế vẫn tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh, thị trường hàng không trong nước cũng ảnh hưởng. Tuy nhiên với sự nỗ lực của các hãng hàng không cùng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không và các cơ quan quản lý... thị trường hàng không Việt Nam đã dần hồi phục những bước đầu tiên vào cuối năm 2021 với việc khai thác trở lại tất cả các đường bay, tăng tần suất phục vụ nhu cầu đi lại an toàn của người dân dịp cuối năm



Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty:

Hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	
				Kế hoạch	So với TH năm 2021
1	Tổng vốn CSH bình quân	Triệu đồng	125,678	125,678	0
2	Doanh thu thực hiện	Triệu đồng	118,889	317,523	167,07
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	199,702	233,356	16,,85
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-80,814	84,167	-
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-80,889	84,167	-



Hoạt động đầu tư

Do dịch bệnh ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh chung, Công ty gặp khó khăn về việc điều tiết kinh phí nhằm khắc phục các ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh, nhu cầu đầu tư của các dự án giảm theo tình hình thực tế. Do đó, Công ty buộc phải giãn tiến độ đầu tư các hạng mục còn lại sang các năm tiếp theo để đảm bảo hiệu quả đầu tư. Trong kỳ Công ty chỉ triển khai thực hiện 01 dự án đã được phê duyệt

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Những mặt làm được

Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ năm 2021 và các Nghị Quyết, Quyết định Hội đồng quản trị ban hành.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp, khó lường, mức độ cạnh tranh trong môi trường kinh doanh của Công ty ngày càng khốc liệt, Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý của công ty đã luôn nhiệt huyết, nỗ lực làm việc, nhanh nhạy linh hoạt nắm bắt tình hình, nhanh chóng ra quyết định kịp thời góp phần giảm thiểu ảnh hưởng của dịch bệnh;

Tổ chức kinh doanh an toàn, bố trí sắp xếp lao động hợp lý đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp và của NLD



Những mặt chưa làm được & Nguyên nhân

Năm 2021 Công ty không hoàn thành kế hoạch SXKD ĐHĐCĐ giao, việc làm và thu nhập của NLD bị ảnh hưởng. Nguyên nhân chủ yếu do tình hình dịch bệnh bùng phát ảnh hưởng đến hầu hết các lĩnh vực kinh doanh của Công ty, ngoài ra Công ty phải trích lập dự phòng lỗ đầu tư ra ngoài doanh nghiệp do các công ty có vốn góp năm 2021 không có hiệu quả.

Nhận xét, đánh giá chung của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2021

Năm 2021, tình hình hoạt động của Công ty đã gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh; Công ty không hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ giao. Trong năm Công ty đã nỗ lực duy trì hoạt động SXKD đảm bảo an toàn, cơ cấu lại bộ máy tổ chức đảm bảo tinh gọn, giảm đầu mối và số lao động gián tiếp góp phần giảm thiểu ảnh hưởng của dịch bệnh,



Các kế hoạch, định hướng của HĐQT trong năm 2022, trung hạn và dài hạn

- Tập trung khôi phục hoạt động SXKD sau dịch bệnh, tập trung nguồn lực để nắm bắt cơ hội, mở rộng, phát triển kinh doanh khi thị trường phục hồi.
- Tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng dịch vụ các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty như: Lĩnh vực kinh doanh phòng khách hạng thương gia, vận chuyển khách trong sân đỗ tàu bay.
- Tổ chức lại hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả theo hướng hợp tác kinh doanh với đối tác và giao chỉ tiêu kinh doanh cho NLD hoặc xem xét thu hẹp quy mô để giảm lỗ.
- Duy trì, tăng cường hợp tác với các khách hàng chiến lược của Công ty, nhất là đối với các hãng hàng không (Vietnam Airlines) và các hãng hàng không Quốc tế sau khi mở lại các đường bay Quốc tế.

F

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông
- Hoạt động của Ban lãnh đạo công ty



Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông

Thông tin cổ phiếu

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu công ty CP dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài
Loại cổ phiếu	cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	NAS
Mệnh giá cổ phiếu	10,000 đồng
Ngày bắt đầu niêm yết	25/1/2017
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	8,315,482 cp
Tổng số cổ phiếu quỹ	282 cp

Cơ cấu cổ đông

Phân loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ(%)
Cổ động lớn	5.141.536	61,84
Cổ động nhỏ	3.172.565	38,16
Tổng	8.314.101	100
Cổ đông cá nhân	2.559.679	30,79
Cổ đông tổ chức	5.754.422	69,21
Tổng	8.314.101	100
Cổ đông trong nước	8.243.171	99,15
Cổ đông nước ngoài	70.930	0,85
Tổng	8.314.101	100

Hoạt động của Ban lãnh đạo công ty

Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Đức Cảnh	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Vũ Ngọc Sơn	Ủy viên
3	Bà Hà Thị Thu Nga	Ủy viên
4	Ông Trần Việt Phương	Ủy viên
5	Ông Nguyễn Phú Thanh	Ủy viên
6	Bà Phan Diễm Anh	Ủy viên

Thay đổi thành viên HĐQT

- Bỏ nhiệm ông Nguyễn Phú Thanh làm Thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 24/06/2021, đồng thời, miễn nhiệm bà Phan Diễm Anh với chức vụ Thành viên HĐQT Công ty.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

- HĐQT hoạt động theo quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2021, hoạt động của HĐQT tập trung vào:

- + Định hướng và hoạt động của HĐQT trong năm 2021
- + Theo dõi tình hình hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo của Ban điều hành
- + Chỉ đạo, định hướng cho Ban điều hành các hoạt động của Công ty
- + Thẩm định, phê duyệt các đề xuất kinh doanh của Ban điều hành.
- Hoạt động của HĐQT được thể hiện qua các cuộc họp, các chỉ đạo thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định, phê duyệt các tờ trình.
- Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo Ban điều hành về các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra các chủ trương quyết sách phù hợp cho từng giai đoạn phát triển của Công ty, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Đức Cảnh	Chủ tịch HĐQT	4	100%	
2	Ông Trần Việt Phương	TV HĐQT	4	100%	
3	Bà Phan Diễm Anh	TV HĐQT	2	50%	Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ 24/06/2021
4	Bà Hà Thị Thu Nga	TV HĐQT	4	100%	
5	Ông Nguyễn Phú Thanh	TV HĐQT	1	25%	Được bầu thành viên HĐQT từ 24/06/2021
6	Ông Vũ Ngọc Sơn	TV HĐQT	4	100%	Ủy quyền tham dự bằng văn bản cho Ông Trần Việt Phương



Giữa các kỳ họp của HĐQT, để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản lý, Công ty đã tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của HĐQT bằng văn bản. Các hồ sơ tổ chức lấy ý kiến biểu quyết này được thực hiện theo đúng thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đúng theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT và dưới sự giám sát của Ban kiểm soát Công ty (các hồ sơ lấy ý kiến HĐQT đều được gửi cho tất cả các thành viên Ban kiểm soát theo đúng thể thức, nội dung và thời hạn như đối với các thành viên HĐQT). Tổng số hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản trong năm 2021 là 14 hồ sơ.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2021:

STT	Số công văn	Ngày ban hành	Nội dung
01	03/NQ-NASCO/HĐQT	07/01/2021	NQ về việc khen thưởng thi đua năm 2020
02	14/NQ-NASCO/HĐQT	03/03/2021	NQ triệu tập cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2021, thành lập các Ban tổ chức, Ban kiểm tra tư cách cổ đông
03	22/NQ-NASCO/HĐQT	25/03/2021	NQ thông qua nội dung phiên họp thứ nhất (2021) của HĐQT
04	26/NQ-NASCO/HĐQT	06/04/2021	NQ gia hạn thời gian họp ĐHCĐ thường niên năm 2021
05	28/NQ-NASCO/HĐQT	06/04/2021	NQ phê duyệt báo cáo KTKT dự án đầu tư xây mới các phòng khách hạng thương gia (A+ B)
06	37/NQ-NASCO/HĐQT	07/05/2021	NQ thông qua kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021
07	41/NQ-NASCO/HĐQT	10/05/2021	NQ gia hạn thời gian họp ĐHCĐ thường niên năm 2021
08	45/NQ-NASCO/HĐQT	01/06/2021	NQ họp HĐQT(phiên họp thứ 2) năm 2021
09	58/NQ-NASCO/HĐQT	23/06/2021	NQ về việc bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm DVHK đối với bà Nguyễn Kiều Nga
10	63/NQ-NASCO/HĐQT	24/06/2021	NQ họp ĐHCĐ thường niên năm 2021
11	66/NQ-NASCO/HĐQT	24/06/2021	NQ thông qua chủ trương bổ nhiệm Phó TGD
12	68/NQ-NASCO/HĐQT	25/06/2021	NQ phê duyệt các nội dung chuẩn bị họp i ĐHCĐ thường niên năm 2021 các DN có vốn góp
13	69/NQ-NASCO/HĐQT	25/06/2021	NQ cử NĐD vốn góp của NASCO và để cử tham gia HĐQT, BKS tại các DN có vốn góp
14	87/NQ-NASCO/HĐQT	29/07/2021	NQ bổ nhiệm lại Tổng GD đối với ông Trần Việt Phương
15	95/NQ-NASCO/HĐQT	24/09/2021	NQ thông qua nội dung tại phiên họp thứ tư năm 2021 của HĐQT Công ty
16	100/NQ-NASCO/HĐQT	26/10/2021	NQ cơ cấu toàn bộ các khoản nợ trung hạn và dài hạn phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)
17	105/NQ-NASCO/HĐQT	03/12/2021	NQ về việc phê duyệt PA chuyển nhượng vốn của NASCO tại VSSI
18	108/NQ-NASCO/HĐQT	21/12/2021	NQ khen thưởng thi đua năm 2021
19	112/NQ-NASCO/HĐQT	29/12/2021	NQ về việc phê duyệt PA chuyển nhượng vốn của NASCO tại NCTS

Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Trường Thi	Thành viên
3	Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	Thành viên

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã triển khai các hoạt động:

- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động SXKD và BCTC năm 2021
- Trình ĐHĐCĐ thường niên về lựa chọn đối tác kiểm toán
- Soát xét báo cáo SXKD, báo cáo tài chính năm 2021
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021. Tình hình thực hiện tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Số buổi tham sự họp	Tỷ lệ họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	5	100%	100%
2	Ông Nguyễn Trường Thi	5	100%	100%
3	Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	5	100%	100%

Đánh giá của Ban kiểm soát về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

- Kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra và thẩm định Báo cáo sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty.

Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trần Việt Phương	Tổng Giám đốc
2	Ông Phan Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Trần Xuân Cương	Phó Tổng Giám đốc

Tăng cường quản trị công ty

Thực hiện đúng các quy định của pháp luật: Minh bạch thông tin; Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông

- Công ty công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;
- Tổ chức ĐHĐCĐ, trả cổ tức đúng thời hạn

Nâng cao hiệu quả quản trị công ty

+ **Quản trị tài chính - kế toán:** Công ty đang sử dụng phần mềm FAST nhưng hiệu quả chưa cao, Công ty có kế hoạch xây dựng phần mềm mới tiến bộ hơn.

+ **Quản trị nhân sự:** Hiện tại Công ty đang quản trị nhân sự thông qua hệ thống các văn bản về quản trị nhân sự được Công ty ban hành, căn cứ vào mục tiêu phát triển Công ty trong dài hạn, ngắn hạn để lập và triển khai các kế hoạch về duy trì và nâng cao chất lượng nhân sự của Công ty. Ngoài ra Công ty cũng sử dụng phần mềm quản lý người lao động (thông tin cá nhân, quá trình công tác, lương, thưởng, đánh giá năng lực hàng năm...) làm cơ sở cho các kế hoạch đào tạo và phát triển nhân sự ngắn hạn và dài hạn đem lại hiệu quả khá tích cực.

--> **Hiệu quả:** Trong 10 năm trở lại đây Công tác quản trị nhân sự đã được chú trọng và có những hiệu quả rõ rệt, năng lực, năng suất lao động của người lao động được nâng cao, tạo hiệu quả rõ rệt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với phần mềm quản trị nhân sự đã hỗ trợ không nhỏ trong việc truy xuất thông tin người lao động, tổng hợp thông tin chính xác góp phần xây dựng kế hoạch nhân sự cho các bộ phận kinh doanh cũng như các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong những năm tới Công ty sẽ tiếp tục đầu tư vào hệ thống phần mềm để tăng cường năng lực quản lý và phân tích thông tin người lao động phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực người lao động cũng như xây dựng kế hoạch tuyển dụng, điều động bổ sung nhân sự có năng lực, kinh nghiệm cho các bộ phận, đơn vị. Hoàn thiện hệ thống văn bản, quy chế, quy định với quan điểm quản lý hiện đại, linh hoạt, năng động hơn tạo điều kiện cho người lao động trong Công ty có thể phát huy tối đa năng lực, nâng cao năng suất lao động.

+ **Quản trị quan hệ khách hàng:** Công tác quản trị quan hệ khách hàng được chú trọng nhất là đối với các khách hàng lớn, khách hàng truyền thống. Hiện tại Công ty đang sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý và chăm sóc khách hàng CRM. Quan hệ đối với khách hàng ngày càng được cải thiện. Trong thời gian tới Công ty tiếp tục chú trọng chăm sóc khách hàng, khai thác và sử dụng có hiệu quả phần mềm CRM.

+ **Quản trị quan hệ chất lượng:** Công ty đang áp dụng hệ thống tiêu chuẩn CLDV ISO 9001-2015 đảm bảo kiểm soát chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp. Theo đó tất cả các hoạt động SXKD, cung ứng sản phẩm dịch vụ đều được thực hiện và kiểm soát theo quá trình nghiêm ngặt. Ngoài ra Công ty thực hiện nghiêm chỉnh chất lượng dịch vụ (SLA) đã cam kết với các đối tác đặc biệt với TCT HKVN - CTCP

Trong thời gian tới công ty tiếp duy trì và đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống QLCL ISO 9001-2015 và tiếp tục nâng cao CLDV đã cam kết với khách hàng.

G

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Những tác động liên quan đến môi trường
- Những tác động liên quan đến cộng đồng



Những tác động liên quan đến môi trường

Tình hình sử dụng nguyên vật liệu, nhiên liệu

Tiêu thụ năng lượng

Công ty sử dụng điện năng cho quá trình hoạt động kinh doanh với mức hơn 112 nghìn KW/năm chủ yếu cho hoạt động tại trụ sở Công ty, phục vụ tại các điểm kinh doanh tại nhà Ga T1, T2 và một số vị trí khác. Tại các địa điểm kinh doanh và văn phòng của Công ty đều được sử dụng các bóng đèn và trang thiết bị tiết kiệm điện theo tiêu chuẩn, điều hòa nhiệt độ đáp ứng tiêu chuẩn về phát thải khí nhà kính hiện nay và thực hiện thay mới khi các thiết bị hết hạn sử dụng. Do đó, mức độ ảnh hưởng đến môi trường và xã hội rất thấp. Do Công ty có hoạt động dịch vụ vận chuyển hành khách, do đó nhu cầu sử dụng xăng, dầu của Công ty là khá lớn. Công ty luôn đảm bảo tiêu chuẩn khí thải tại các phương tiện vận tải mà Công ty sử dụng để vận chuyển khách, thường xuyên bảo dưỡng, kiểm định các phương tiện nhằm tối thiểu ảnh hưởng của khí thải đến môi trường, các phương tiện mua mới đều đạt được các quy định về khí thải theo tiêu chuẩn quốc tế.

Tiêu thụ nước

Công ty sử dụng nước dùng cho các hoạt động tại trụ sở Công ty, các phòng khách sạn thương gia và cửa hàng thương mại, ăn uống giải khát tại Cảng hàng không Nội Bài khoảng 27,5 nghìn m³/năm. Nước thải được xử lý theo quy định, không thải ra môi trường khi chưa được xử lý. Bên cạnh đó, việc cung cấp nước uống cho cán bộ, công nhân viên cũng được Công ty quan tâm và chú trọng. Phòng Tổ chức - Hành chính Công ty luôn có trách nhiệm thường xuyên nhắc nhở cán bộ, công nhân viên tiết kiệm nước sinh hoạt và nước uống. Do đó, mức độ ảnh hưởng đến môi trường và xã hội rất thấp.

Bảo vệ môi trường, cải thiện cảnh quan môi trường làm việc

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, không để xảy ra các phản ánh, đánh giá không tốt từ khách hàng, cơ quan quản lý tại địa phương cũng như cộng đồng xung quanh.

- Trong hoạt động kinh doanh vận tải hành khách: Xây dựng hệ thống phương tiện vận tải đảm bảo về kỹ thuật cũng như khí thải theo tiêu chuẩn. Công ty luôn nỗ lực để xây dựng và giữ vững thương hiệu NASCO là thương hiệu xanh - thân thiện với môi trường.

- Tuyên truyền đến cán bộ công nhân viên giữ gìn vệ sinh nơi làm việc và cảnh quan Công ty (sắp xếp hồ sơ, tài liệu gọn gàng, bỏ rác đúng chỗ, hút thuốc lá đúng nơi quy định,...) giữ gìn cảnh quan chung của Công ty, tham gia bảo vệ môi trường tại địa phương.

- Bố trí văn phòng làm việc, ngăn nắp, hợp lý, nhiều ánh sáng tự nhiên góp phần giảm năng lượng tiêu thụ điện năng.

- Trụ sở Công ty có diện tích rộng, do đó, Công ty đã và đang trồng thêm cây xanh quanh trụ sở, góp phần làm cho môi trường ngày càng thân thiện với môi trường.

- Sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn nguyên liệu, tăng cường tái chế và sử dụng vật liệu có thể tái chế.

- Ký hợp đồng các đơn vị có chức năng xử lý rác thải, chất thải để xử lý các chất thải và rác thải của Công ty trong quá trình hoạt động để đảm bảo vệ sinh, hạn chế ô nhiễm môi trường.



Những tác động liên quan đến cộng đồng

Chế độ làm việc:

Người lao động làm việc không quá 8 tiếng trong 1 ngày, không quá 48 giờ trong 1 tuần. Theo yêu cầu nhiệm vụ, người sử dụng lao động có quyền bố trí giờ làm việc theo ca kíp hoặc giờ hành chính tùy thuộc tình hình thực tế của từng đơn vị trong Công ty và bố trí nghỉ hàng tuần vào các ngày trong tuần.

Thời giờ làm việc cụ thể:

Giờ hành chính: Áp dụng đối với người lao động làm các công việc gián tiếp (từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

- Sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 45 phút;

- Chiều từ 13 giờ đến 16 giờ

- Giờ ca, kíp: Áp dụng đối với người lao động làm việc ở các bộ phận trực tiếp kinh doanh, hỗ trợ phục vụ theo chế độ ca làm việc theo ngày tùy theo đặc điểm, tính chất và yêu cầu công việc cụ thể

- Đối với những người làm các công việc đặc thù thì không áp dụng thời gian quy định trên đây: Lái xe, tạp vụ, bảo vệ, nhân viên giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không, thủ kho, nhân viên mua hàng,... thì thời gian làm việc được thực hiện theo sự phân công của cán bộ quản lý trực tiếp trên cơ sở định mức lao động đã được người sử dụng quyết định.

- Người lao động có thai từ tháng thứ 7 hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi không phải làm ca đêm hoặc đi công tác xa khỏi đơn vị từ 02 ngày trở lên với bán kính trên 50km.

Điều kiện lao động:

- Những người lao động do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và được thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

- Cơ sở vật chất hiện có của Công ty tiện nghi, hiện đại, môi trường tích cực, sôi nổi.

Phúc lợi

Bên cạnh mục tiêu tăng trưởng hoạt động kinh doanh, Công ty cũng mong muốn chia sẻ và giúp đỡ, tạo điều kiện về mọi mặt cho người lao động của NASCO nhằm nâng cao thu nhập và đời sống tinh thần. Giúp người lao động và cán bộ nhân viên có thể gắn bó lâu dài với Công ty.

- Ngoài việc tuân thủ thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, chế độ ốm đau, thai sản, sinh nhật, nghỉ mát,... cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật, Công đoàn công ty luôn hướng người lao động đến những hoạt động xã hội, văn-thể-mỹ lành mạnh ngoài thời gian làm việc, tổ chức các hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ giữa các đơn vị trong Công ty.

- Tổ chức các chương trình đào tạo nghiệp vụ để cán bộ, công nhân viên kịp thời cập nhật và nâng cao kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc; kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước, đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn.

Trách nhiệm đối với Cộng đồng:

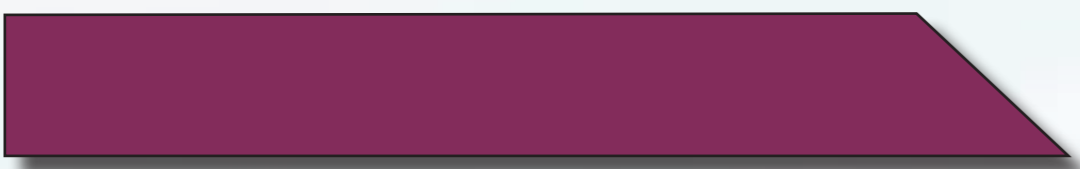
- Ban lãnh đạo Công ty luôn thấu hiểu rằng, bên cạnh những thành quả đạt được do những cố gắng nỗ lực của tập thể Công ty còn có sự đóng góp, hỗ trợ từ cộng đồng địa phương. Vì lẽ đó, nghĩa vụ và trách nhiệm xã hội luôn được NASCO coi là nghĩa vụ tất yếu để phát triển bền vững.

- Mục tiêu của Công ty là cam kết, chung tay, chia sẻ các vấn đề khó khăn chung của xã hội. Vì vậy, hàng năm Công ty và người lao động đã hỗ trợ cả vật chất lẫn tinh thần cho các tổ chức xã hội, các gia đình và cá nhân có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương, nhận nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, tặng quà các cháu nhỏ có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương, phối hợp cùng các cơ quan đoàn thể tại địa phương và cấp trên thực hiện các hoạt động tình nghĩa, xã hội nhằm hỗ trợ đồng bào gặp thiên tai, bão lụt,...

- Công ty thường xuyên thực hiện các hoạt động từ thiện đối với các cá nhân là thương binh, thân nhân gia đình thương binh, liệt sỹ, người có công với đất nước, có hoàn cảnh khó khăn và các tổ chức từ thiện tại địa phương.

H

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY NỘI BÀI**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH
VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Sóc Sơn, cn=CÔNG TY
CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY
NỘI BÀI,
0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100108254
Date: 2022.03.01 14:35:21 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2021 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đức Cảnh	Chủ tịch	
Ông Trần Việt Phương	Thành viên	
Bà Hà Thị Thu Nga	Thành viên	
Ông Vũ Ngọc Sơn	Thành viên	
Bà Phan Diễm Anh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 24/06/2021
Ông Nguyễn Phú Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 24/06/2021

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban
Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	Thành viên
Ông Nguyễn Trường Thi	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trần Việt Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Xuân Cương	Phó Tổng giám đốc	
Ông Phan Thanh Bình	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng	

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Việt Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/02/2022, từ trang 06 đến trang 45 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành Báo cáo Kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận liên quan đến số dư tại ngày 31/12/2021 của một số khoản công nợ Trả trước cho người bán với số tiền là 4.083.859.026 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết làm cơ sở để đưa ra ý kiến nhận xét về số dư của khoản mục trên cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán số 20/2021/RSMHN-BCKT ngày 26/02/2021.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Chúng tôi lưu ý người đọc về việc, tại ngày 31/12/2021, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của công ty là 26,7 tỷ đồng VND, đồng thời trong năm 2021 khoản lỗ thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lỗ sau thuế của Công ty mẹ với số tiền lần lượt là 127,8 tỷ đồng và 91,5 tỷ đồng dẫn đến lỗ lũy kế tới ngày 31/12/2021 là 85,4 tỷ đồng. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 25 – Doanh thu hoạt động tài chính phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty chưa thực hiện ghi nhận khoản cổ tức được nhận từ Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh với số tiền 16.875.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 12/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2020 và Công văn gia hạn thời gian chi trả cổ tức số 68/CRTC-TKPC ngày 26/02/2021 của Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh do Công ty chưa nhận được thông báo cụ thể về thời gian nhận được khoản cổ tức trên.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Nguyễn Thị Phương Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0933-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Phạm Thị Thảo
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2465-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.690.278.985	144.430.121.337
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	18.480.626.039	31.475.269.487
Tiền	111		12.880.626.039	24.475.269.487
Các khoản tương đương tiền	112		5.600.000.000	7.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.100.000.000	33.637.831.956
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		11.100.000.000	33.637.831.956
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.158.520.544	55.103.142.745
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	31.767.121.912	45.052.876.783
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	4.251.490.482	5.166.561.231
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.139.908.150	4.973.595.169
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		-	(89.890.438)
Hàng tồn kho	140	8	4.747.223.764	16.649.671.328
Hàng tồn kho	141		4.747.223.764	16.649.671.328
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.203.908.638	7.564.205.821
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	829.528.638	1.104.845.825
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.702.202.344	6.459.359.996
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	672.177.656	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		187.790.644.908	301.362.976.681
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.003.570.912	1.759.117.641
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	2.701.395.335	1.412.487.563
Phải thu dài hạn khác	216	7	927.346.078	917.346.078
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.625.170.501)	(570.716.000)
Tài sản cố định	220		160.611.217.190	162.933.848.604
Tài sản cố định hữu hình	221	14	157.649.244.100	160.384.167.734
- Nguyên giá	222		334.622.793.460	320.032.129.374
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(176.973.549.360)	(159.647.961.640)
Tài sản cố định vô hình	227	10	2.961.973.090	2.549.680.870
- Nguyên giá	228		10.819.725.106	9.634.252.288
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.857.752.016)	(7.084.571.418)
Bất động sản đầu tư	230	11	12.268.348.465	13.136.933.005
- Nguyên giá	231		14.143.740.334	14.243.961.941
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.875.391.869)	(1.107.028.936)
Tài sản dở dang dài hạn	240		180.072.000	23.031.356.418
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	180.072.000	23.031.356.418
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	6.983.820.158	97.211.833.598
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		289.130.158	517.143.598
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		96.694.690.000	96.694.690.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	254		(90.000.000.000)	-
Tài sản dài hạn khác	260		5.743.616.183	3.289.887.415
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	5.743.616.183	2.974.339.201
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	315.548.214
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		266.480.923.893	445.793.098.018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		211.481.436.248	255.225.585.472
Nợ ngắn hạn	310		105.436.822.816	139.984.823.926
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	23.722.665.014	40.814.001.473
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.415.118.217	466.647.601
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	122.736.860	904.041.856
Phải trả người lao động	314		18.499.911.839	13.952.603.152
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.852.108.996	2.978.038.225
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	82.090.908
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	5.868.698.183	4.471.114.754
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	48.584.066.126	69.374.683.733
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.371.517.581	6.941.602.224
Nợ dài hạn	330		106.044.613.432	115.240.761.546
Phải trả dài hạn khác	337	18	3.827.015.167	3.640.963.167
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	93.267.536.455	111.599.798.379
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		8.950.061.810	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.999.487.645	190.567.512.546
Vốn chủ sở hữu	410	20	54.999.487.645	190.567.512.546
Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.157.640.000	83.157.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.157.640.000	83.157.640.000
Cổ phiếu quỹ	415		(2.820.000)	(2.820.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		38.553.684.206	38.553.684.206
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.969.213.452	3.969.213.452
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(85.410.631.490)	2.770.305.800
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.106.040.323	3.221.734.177
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(91.516.671.813)	(451.428.377)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		14.732.401.476	62.119.489.088
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		266.480.923.892	445.793.098.018

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu Hiền

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Trần Việt Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	251.473.762.262	338.818.541.354
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	185.754.691	245.147.357
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		251.288.007.571	338.573.393.997
Giá vốn hàng bán	11	24	161.898.970.170	189.008.092.936
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		89.389.037.401	149.565.301.061
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	12.853.758.788	25.553.128.103
Chi phí tài chính	22	26	102.393.003.005	9.919.948.929
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.295.178.439	9.178.661.223
(Lỗ)/Lãi đầu tư Công ty liên doanh, liên kết	24		(226.203.667)	(152.190.039)
Chi phí bán hàng	25	27	88.474.597.592	118.706.084.980
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	38.960.263.229	47.118.471.874
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(127.811.271.304)	(778.266.658)
Thu nhập khác	31	29	542.106.569	1.563.742.930
Chi phí khác	32	30	861.190.715	997.103.925
Lợi nhuận khác	40		(319.084.146)	566.639.005
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(128.130.355.450)	(211.627.653)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	67.733.091
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		8.936.758.868	39.700.961
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(137.067.114.318)	(319.061.705)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		(91.516.671.813)	(451.428.377)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(45.550.442.505)	132.366.672
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(11.006)	(54)

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu Hiền

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Trần Việt Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(128.130.355.450)	(211.627.653)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		23.513.151.032	26.245.550.776
Các khoản dự phòng	03		90.964.564.063	89.890.438
Lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		62.650.061	(27.648.295)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(12.859.012.756)	(25.002.450.810)
Chi phí lãi vay	06		12.295.178.439	9.178.661.223
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(14.153.824.611)	10.272.375.679
Giảm các khoản phải thu	09		15.981.063.811	23.171.341.812
Giảm hàng tồn kho	10		11.902.447.564	20.667.270.703
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.285.959.893)	(63.370.084.760)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(2.493.959.795)	2.355.119.465
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.710.832.076)	(8.420.136.924)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(67.733.091)	(1.949.762.127)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.662.476.551)	(7.146.311.413)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.491.274.642)	(24.420.187.565)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(712.446.364)	(103.726.080.285)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		359.090.910	39.991.409
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.002.384.743)	(78.100.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.540.216.699	60.462.168.044
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27		13.569.049.793	25.114.649.440
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		35.753.526.295	(96.209.271.392)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		86.779.907.643	129.515.437.193
Tiền trả nợ gốc vay	34		(125.902.787.174)	(28.526.795.902)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.134.214.210)	(17.570.935.940)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(41.257.093.741)	83.417.705.351
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(12.994.842.088)	(37.211.753.606)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	31.475.269.487	68.686.407.836
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		198.640	615.257
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	18.480.626.039	31.475.269.487

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu Hiền

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Trần Việt Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài, tên viết tắt là NASCO (sau đây gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài, doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam. Công ty Dịch vụ Hàng không Nội Bài được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài theo Quyết định số 3978/QĐ-BGTVT ngày 21/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Từ khi chuyển đổi, Công ty đã thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 11 lần, lần gần đây nhất vào ngày 14/09/2018.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 14/09/2018, Công ty có vốn điều lệ là 83.157.640.000 VND, tương đương 8.315.764 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, trong đó, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP sở hữu 51%.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Ngày 16/01/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 36/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài;
- Mã chứng khoán: NAS;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng);
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 8.315.764 cổ phiếu (Tám triệu ba trăm mười lăm nghìn bảy trăm sáu mươi tư cổ phiếu);
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 83.157.640.000 đồng (Tám mươi ba tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng);

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Sản xuất kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết bao gồm: Vận chuyển hành khách, hàng hóa trong sân đỗ máy bay; Dịch vụ vận tải mặt đất; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa; Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế; Dịch vụ làm thủ tục hàng không tại thành phố; Kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập cảnh; Dịch vụ lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại hàng không;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết bao gồm: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết bao gồm: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết là vận tải hành khách bằng taxi;
- Bốc xếp hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. **ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**
- 1.4 **CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**
 Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.
- 1.5 **TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
 Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.
- 1.6 **CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**
 Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con				
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	51%	49,12%	49,12%
Công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	36%	16%	16%

- Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại TP Hồ Chí Minh;
 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Đà Nẵng và;
 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Hải Phòng.

Hiện các chi nhánh này đang trong quá trình làm thủ tục chấm dứt hoạt động.

1.7 **NHÂN VIÊN**
 Trong năm 2021, Công ty thực hiện chính sách làm việc luân phiên đối với nhân viên do ảnh hưởng của dịch Covid. Tại ngày 31/12/2021, Công ty và Công ty con có 746 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 757 nhân viên).

2. **NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**
- 2.1 **NĂM TÀI CHÍNH**
 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.
- 2.2 **ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**
 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. **NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**
- 2.3 **CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**
 Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
 Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
 Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty do Công ty kiểm soát (Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Các giao dịch và số dư giữa công ty mẹ và công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.
 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Danh sách Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính bao gồm:

TT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn thực góp	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	117.500.000.000	51,00%	49,12%	49,12%

- 2.4 **TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**
 Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính hợp nhất.
3. **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**
 Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:
- 3.1 **CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**
 Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
 Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

Công ty trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác căn cứ vào lỗ trên Báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị được đầu tư, trường hợp đơn vị được đầu tư có công ty con, căn cứ trích lập là Báo cáo tài chính hợp nhất. Việc bổ sung/hoàn nhập dự phòng trích lập trong năm được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho là nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh đối với hàng kinh doanh miễn thuế và bình quân gia quyền tháng đối với hàng tồn kho khác và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn tùy theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn hơn 7 triệu đồng được phân bổ trong 2-3 năm;
- Chi phí trả trước khác phân bổ theo thời hạn trên từng thời hạn Hợp đồng.

Đối với công cụ, dụng cụ có giá trị dưới 7 triệu đồng được ghi nhận toàn bộ vào chi phí trong năm khi phát sinh.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Phần mềm bán hàng và phần mềm kế toán: được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và trích khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (từ 4 - 5 năm).

3.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản (BDS) đầu tư được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BDS đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra để có được BDS đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới BDS đầu tư được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá BDS đầu tư; Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao BDS đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm. Thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 15 đến 20 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải	04 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- TSCĐ khác	04 - 06

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

3.12 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ tại ngày 30/09/2021.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty quyết định hoặc thông báo trả cổ tức cho các cổ đông.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU VÀ THU NHẬP

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp các giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 GHI NHẬN DOANH THU VÀ THU NHẬP

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm.

3.17 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở dang. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

3.21 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Công ty có các bộ phận quản lý theo lĩnh vực kinh doanh.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	668.985.672	447.947.424
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.211.640.367	24.027.322.063
Các khoản tương đương tiền (*)	5.600.000.000	7.000.000.000
	18.480.626.039	31.475.269.487

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng Thương mại

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	914.275.466	240.277.616
+ Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Khu vực miền Nam	-	118.599.744
+ Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	914.275.466	121.677.872
Trả trước cho bên thứ ba	4.251.490.482	4.926.283.615
+ Công ty TNHH MTV sách báo văn hóa phẩm Hà Nội	213.279.100	335.813.100
+ Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Quốc	227.439.626	227.439.626
+ Công ty TNHH Ứng dụng thiết bị công nghệ mới	320.000.000	320.000.000
+ Công ty TNHH Digital Systems	-	338.600.000
+ Các đối tượng khác	3.490.771.756	3.704.430.889
	4.251.490.482	5.166.561.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31.767.121.912	45.052.876.783
<i>Trong đó, Phải thu từ các bên liên quan</i>	<i>13.773.424.735</i>	<i>23.502.864.145</i>
+ Trung tâm Khai thác Nội Bài - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	5.521.261.674	19.631.217.961
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài	352.873.788	956.325.787
+ Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	412.028.302	162.435.043
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	7.173.680.325	2.454.570.471
+ Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - CTCP khu vực miền Bắc	816.545	13.165.000
+ Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	39.320.000	73.980.000
+ Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam khu vực Miền Bắc	-	17.817.710
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	221.349.620	-
+ Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Công ty Bay dịch vụ Hàng không	22.412.263	130.638.813
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	29.682.218	62.713.360
Phải thu ngắn hạn của bên thứ 3	17.993.697.177	21.550.012.638
+ Công ty CP Hàng không Vietjet	-	56.774.194
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	1.532.391.664
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền thông số	52.920.000	175.140.000
+ Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Đại Sơn	580.341.165	943.636.318
+ Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện	5.372.521.847	1.967.643.451
+ Công ty TNHH Hanaro TNS Việt Nam	2.549.840.546	1.202.858.000
+ Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	944.589.656	932.304.371
+ Công ty TNHH Dịch vụ Trâu Ngon	767.008.418	-
+ Các khách hàng khác	7.726.475.545	14.739.264.640
Phải thu dài hạn của khách hàng	2.701.395.335	1.412.487.563
+ Công ty Cổ phần Hàng không Indochina (*)	570.716.000	570.716.000
+ Các khách hàng khác	2.130.679.335	841.771.563
Cộng	34.468.517.247	46.465.364.346

(*) Khoản phải thu dài hạn của Công ty Cổ phần Hàng không Indochina đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tỷ lệ 100%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Phải thu bên liên quan	541.541.674	-	333.183.704	-
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	401.541.674	-	193.183.704	-
- Ký quỹ tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	140.000.000	-	140.000.000	-
Phải thu bên thứ ba	4.598.366.476	-	4.640.411.465	-
- Tạm ứng	1.102.630.696	-	1.221.153.874	-
- Ký cược, ký quỹ	796.583.000	-	612.333.000	-
- Phải thu khác	2.699.152.780	-	2.806.924.591	-
+ Tạm tính lãi tiền gửi	-	-	1.156.109.590	-
+ Phải thu khác	2.699.152.780	-	1.650.815.001	-
Cộng	5.139.908.150	-	4.973.595.169	-
Dài hạn				
Phải thu bên liên quan	12.000.000	-	12.000.000	-
- Ký quỹ tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt nam - Chi nhánh Đà Nẵng	12.000.000	-	12.000.000	-
Phải thu bên thứ ba	915.346.078	-	905.346.078	-
Ký cược, ký quỹ	915.346.078	-	905.346.078	-
Cộng	927.346.078	-	917.346.078	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.433.617.238	-	1.993.453.103	-
Công cụ, dụng cụ	473.301.717	-	484.764.645	-
Hàng hóa	1.958.883.385	-	13.277.286.501	-
Hàng gửi bán	881.421.424	-	894.167.079	-
Cộng	4.747.223.764	-	16.649.671.328	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	829.528.638	1.104.845.825
- Chi phí thuê mặt bằng	560.220.532	275.512.126
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.990.533	283.601.556
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	249.317.573	545.732.143
Dài hạn	5.743.616.183	2.974.339.201
- Thiết bị, CCDC chờ phân bổ	4.735.048.451	2.455.996.924
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.008.567.732	518.342.277
Cộng	9.373.075.541	4.079.185.026

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2021	9.452.434.106	181.818.182	9.634.252.288
- Mua trong năm	1.367.291.000	-	1.367.291.000
- Giảm khác	-	(181.818.182)	(181.818.182)
31/12/2021	10.819.725.106	-	10.819.725.106
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2021	(7.042.854.247)	(41.717.171)	(7.084.571.418)
- Khấu hao trong năm	(755.134.981)	-	(755.134.981)
- Giảm khác	(59.762.788)	41.717.171	(18.045.617)
31/12/2021	(7.857.752.016)	-	(7.857.752.016)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2021	2.409.579.859	140.101.011	2.549.680.870
31/12/2021	2.961.973.090	-	2.961.973.090

Tại ngày 31/12/2021, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 6.437.138.232 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 1.378.710.554 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà - Trụ sở công ty Khu Briefing VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ		
01/01/2021	14.243.961.941	14.243.961.941
- Điều chỉnh theo quyết toán dự án hoàn thành	(100.221.607)	(100.221.607)
31/12/2021	<u>14.143.740.334</u>	<u>14.143.740.334</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2021	(1.107.028.936)	(1.107.028.936)
- Khấu hao trong năm	(785.992.556)	(785.992.556)
- Giảm khác	17.629.623	17.629.623
31/12/2021	<u>(1.875.391.869)</u>	<u>(1.875.391.869)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2021	<u>13.136.933.005</u>	<u>13.136.933.005</u>
31/12/2021	<u>12.268.348.465</u>	<u>12.268.348.465</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Xây dựng cơ bản dở dang	180.072.000	180.072.000	23.031.356.418	23.031.356.418
+ Dự án cải tạo phòng C nội địa và quốc tế	-	-	17.093.795.459	17.093.795.459
+ Dự án mở rộng phòng C nội địa	-	-	5.757.488.959	5.757.488.959
+ Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc	180.072.000	180.072.000	180.072.000	180.072.000
Cộng	<u>180.072.000</u>	<u>180.072.000</u>	<u>23.031.356.418</u>	<u>23.031.356.418</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc/ Giá theo PP VCSH VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc/ Giá theo PP VCSH VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết				
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam (1)	289.130.158		517.143.598	
Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	289.130.158	(*)	517.143.598	(*)
Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (2)	96.694.690.000		96.694.690.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài (NCTS) (**)	90.000.000.000		90.000.000.000	
	6.694.690.000	152.791.456.400	6.694.690.000	127.935.430.000
	<u>96.983.820.158</u>		<u>97.211.833.598</u>	

(*) Đối với các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ hàng không Việt Nam, Công ty không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này tại sàn HOSE tại ngày 31/12/2021 và tại ngày 31/12/2020.

(1) Công ty đầu tư vào Công ty liên kết chiếm tỷ lệ quyền biểu quyết 36% tương đương với số tiền: 3.780.000.000 VND (trong đó cam kết góp vốn bằng tài sản là 1.280.000.000 VND và tài sản khác (thương hiệu) là 2.500.000.000 VND) tỷ lệ vốn thực góp tại 31/12/2021 là 16%.

(2) Đây là khoản đầu tư góp vốn của Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco vào Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh chiếm tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 15%. Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp số 04/2019/GCN-CRTC ngày 10/10/2019, tổng số cổ phần của Công ty tại Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh là 11.250.000 cổ phần, tương ứng giá trị theo mệnh giá là 112.500.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2021, giá trị hợp lý khoản đầu tư này được xác định theo tỷ lệ sở hữu trong tài sản thuần của công ty. Tại ngày 31/12/2021, do Nợ phải trả lớn hơn tổng tài sản, nguồn vốn chủ sở hữu bị âm, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư này xác định bằng 0.

+ Phải trả cho các đơn vị khác	53.155.000.014	53.155.000.014	40.814.001.413	40.814.001.413
+ Công ty CP đầu tư và xây dựng VINCO	10.382.050.554	10.382.050.554	15.101.404.408	15.101.404.408
Hàng không Việt Nam	11.134.080	11.134.080	4.021.132.044	4.021.132.044
+ Công ty TNHH Dịch vụ Việt Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	5.101.011.508	5.101.011.508	0.082.101.454	0.082.101.454
+ Công ty TNHH DEF Việt Nam	1.544.234.328	1.544.234.328	4.130.101.003	4.130.101.003
+ Công ty TNHH EDF Việt Nam	1.208.312.850	1.208.312.850	2.340.038.001	2.340.038.001
+ Công ty TNHH Giải pháp TING	5.154.505.100	5.154.505.100	1.011.540.040	1.011.540.040
+ Công ty cổ phần đầu tư, phát triển Bình Đức	5.038.000.000	5.038.000.000	131.004.000	131.004.000
+ Công ty TNHH Đầu tư, TM và dịch vụ Đông Xanh	1.843.012.102	1.843.012.102	1.100.005.000	1.100.005.000
+ Chi nhánh Đông Hà Nội - Công ty CP xây dựng Đầu tư Hà Nội	224.340.010	224.340.010	424.121.450	424.121.450
Phải trả người bán theo thuế	53.101.824.110	53.101.824.110	30.023.041.420	30.023.041.420
+ Công ty TNHH MTV DV Mất đất sản xuất Việt Nam - Chi Nội Bài Đà Nẵng	4.518.580	4.518.580	-	-
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mất đất sản xuất Việt Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP Khu vực miền Nam	0.805.041	0.805.041	8.150.510	8.150.510
+ Công ty CP Dịch vụ Nội Bài	14.105.030	14.105.030	2.041.141	2.041.141
+ Công ty Cổ phần Xuất sản Hàng không Nội Bài	112.100.412	112.100.412	151.430.418	151.430.418
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	152.530.000	152.530.000	141.304.000	141.304.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	540.014.000	540.014.000	214.102.000	214.102.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	-	-	5.001.300	5.001.300
Phải trả theo liên doanh	014.010.502	014.010.502	000.100.053	000.100.053
AND	AND	AND	AND	AND
Giới trị	200.000.000	200.000.000	010.115.051	010.115.051

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÀN NGUYÊN HẠN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Sản xuất được từ Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SẢN XUẤT NỘI BÀI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



Lợi nhuận 31/12/2021, Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình cho thành lập là 0.400.551.053 đồng.

03.000.000 VND

Lợi nhuận 31/12/2021, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 03.000.112.810 đồng (lợi nhuận 31/12/2020 là 03.000.000 VND)

31/12/2021	03.000.000	03.000.000	03.000.000	03.000.000
- Điện chiếu sáng	030.341.148	3.500.000.000	-	3.000.000.000
- Phần lợi	1.521.413.012	1.521.001.101	3.248.340	332.041.000
- Thành lập, mở rộng	-	031.000.432	-	031.000.432
- Giảm khác	113.003.200	-	-	113.003.200
- Khấu hao trong năm	(0.300.105.100)	(1.011.140.000)	(500.152.310)	(55.502.405.400)
01/01/2021	(04.815.003.353)	(55.400.430.000)	(14.010.012.431)	(0.451.031.050)
HAO MÓN TỬ KẾ				
31/12/2021	114.320.030.153	54.100.135.000	110.503.830.001	334.055.103.400
- Phần lợi	1.345.000.410	(1.300.100.000)	(540.110.440)	254.101.000
- Thành lập, mở rộng	-	-	(031.000.432)	(031.000.432)
- Giảm (giảm) khác	1.150.521	-	-	1.150.521
- Đầu tư XDGB trong thành	0.000.000.000	-	-	10.100.110.000
- Mua trong năm	-	000.000.000	-	000.000.000
01/01/2021	103.000.000.000	50.100.000.000	111.440.010.400	350.035.150.314

NGUYÊN GIÁ

AND	AND	AND	AND	AND
Giới trị	010.115.051	010.115.051	010.115.051	010.115.051

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Sản xuất được từ Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SẢN XUẤT NỘI BÀI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Chi phí trang phục bảo hộ lao động	557.890.000	-
- Chi phí vận chuyển, bốc dỡ	2.069.996.196	896.723.390
- Chi phí hoa hồng môi giới	383.656.305	663.099.802
- Chi phí trích trước tiền thuê mặt bằng	23.999.998	800.727
- Chi phí lãi vay phải trả	-	758.524.299
- Chi phí ăn ca, độc hại	82.042.601	44.715.000
- Chi phí khác	734.523.896	614.175.007
	3.852.108.996	2.978.038.225

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	5.868.698.183	4.471.114.754
- Phải trả bên liên quan	1.802.507.531	1.997.896.982
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.271.957.755	1.894.519.585
+ Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	530.549.776	103.377.397
- Phải trả bên thứ ba	4.066.190.652	2.473.217.772
+ Kinh phí công đoàn	1.124.295.774	234.413.157
+ Bảo hiểm xã hội	10.134.170	-
+ Bảo hiểm y tế	-	15.136.020
+ Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
+ Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.921.000.000	1.567.200.000
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.010.760.708	656.468.595
Dài hạn	3.827.015.167	3.640.963.167
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.827.015.167	3.640.963.167
	9.695.713.350	8.112.077.921

- Thuế thu nhập cá nhân nộp trước

01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021
01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021

- Các loại thuế khác
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế xuất, nhập khẩu
- Thuế giá trị gia tăng

01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021
01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021

- Thuế giá trị gia tăng

01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021
01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021
01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (i) Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cung cấp tín dụng số HĐ số 10/21/CTD/VBCBD- Nasco ngày 22/06/2021 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức vay là 35.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 01 năm, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay bao gồm tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư 03 xe sân thấp chở khách sân đỗ hiệu YUTONG, model ZK6125BD, đã qua sử dụng, sản xuất năm 2020. Giá trị tài sản tại thời điểm ký hợp đồng này là 23.330.000.000 đồng
- (ii) Khoản vay dài hạn (bao gồm vay đến hạn trả) với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cung cấp tín dụng số 01/20/TDHNCB.CD - NASCO được ký ngày 09/9/2020 nhằm thanh toán các chi phí của dự án Đầu tư 03 xe ô tô sân thấp mới 100% chở khách hạng thương gia (C-VIP) trong sân đỗ máy bay của Công ty. Hạn mức vay là 24.223.000.000 VND. Thời hạn của các khoản vay là 83 tháng, thời gian ân hạn là 06 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ (8,5%/năm). Tài sản thế chấp là 03 xe khách sân đỗ hiệu YUTONG, nguyên giá trên hợp đồng là 26.940.000.000 VND.
- (iii) Các khoản vay dài hạn (bao gồm vay đến hạn trả) với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo các hợp đồng:
 - Hợp đồng tín dụng số 51/2015-HĐTDDH/NHCT144-NASCO được ký ngày 30/12/2015 nhằm thanh toán các khoản chi phí hợp lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng đơn nguyên 2 và khối lượng đơn nguyên 1 - Trụ sở Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài. Hạn mức tín dụng là 21.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ (7%/năm);
 - Hợp đồng tín dụng số 03/2016-HĐTDDA/NHCT144-NASCO được ký ngày 27/12/2016 nhằm thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư mua 02 thang tải khách mới 100% tại tòa nhà đơn nguyên 2 Trụ sở Công ty. Hạn mức tín dụng là 2.392.600.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 5 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ (7,5%/năm);
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐTDDA/NHCT144-NASCO được ký ngày 13/01/2017 nhằm mục đích thanh toán các khoản đầu tư hợp pháp của Dự án Đầu tư mua sắm 02 xe ô tô 46 chỗ mới 100% thay thế 02 ô tô hết niên hạn sử dụng vào cuối năm 2016. Hạn mức tín dụng là 2.730.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cho vay quy định tại từng giấy nhận nợ (8%/năm);
 - Hợp đồng tín dụng số 03/2017-HĐTDDA/NHCT144-NASCO được ký ngày 24/02/2017 nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn trung dài hạn thanh toán các chi phí đầu tư Dự án xây mới bổ sung tường rào, làm sân vườn, chiếu sáng và cảnh quan trụ sở Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài. Hạn mức tín dụng là 3.411.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ (7,5%/năm);
 - Hợp đồng tín dụng số 04/2017-HĐTDDA/NHC144-NASCO được ký ngày 14/3/2017 nhằm bổ sung vốn trung hạn thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Xây dựng trạm biến áp 800 KVA - 22/0,4KV tại khu đất Trụ sở Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Nội Bài. Hạn mức tín dụng là 1.583.400.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ (7,5%/năm);
 - Hợp đồng tín dụng số 16/2018-HĐCVDADT/NHCT144-NASCO được ký ngày 12/6/2018 nhằm thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư xây dựng công trình các cửa hàng kinh doanh thương mại, dịch vụ tại nhà ga T1 sân bay Nội Bài tại Hà Nội, Việt Nam. Hạn mức tín dụng là 5.772.000.000 VND. Thời hạn vay là 48 tháng, thời gian ân hạn là 06 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ (7,7%/năm);

Cộng	Số cơ sở (vii)		Số cơ sở (viii)		Số cơ sở (ix)		Số cơ sở (x)	
	180.914.485.115	580.348.188.848	108.115.168.881	144.538.048.081	141.881.805.881	141.881.805.881	141.881.805.881	141.881.805.881
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (vii)	558.000.000	558.000.000	115.200.000	115.200.000	115.200.000	115.200.000	115.200.000	115.200.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (viii)	115.120.000	115.120.000	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (viii)	1.982.590.000	1.982.590.000	89.134.138.413	89.134.138.413	1.511.500.000	1.511.500.000	428.080.000	428.080.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (viii)	68.134.138.413	68.134.138.413	-	-	8.108.101.880	8.108.101.880	81.018.038.123	81.018.038.123
Ngân hàng Công thương Việt Nam (ix)	11.888.838.118	11.888.838.118	-	-	2.128.888.411	2.128.888.411	15.108.838.105	15.108.838.105
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ix)	51.848.810.848	51.848.810.848	-	-	5.320.810.848	5.320.810.848	18.218.000.000	18.218.000.000
Số cơ sở (vii)	111.888.188.318	111.888.188.318	-	-	18.335.581.853	18.335.581.853	83.581.238.428	83.581.238.428
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ix)	115.200.000	115.200.000	115.200.000	115.200.000	115.200.000	115.200.000	115.200.000	115.200.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ix)	558.500.000	558.500.000	111.120.000	111.120.000	558.500.000	558.500.000	111.120.000	111.120.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (ix)	844.840.000	844.840.000	1.511.500.000	1.511.500.000	1.011.850.000	1.011.850.000	1.011.850.000	1.011.850.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ix)	11.448.803.888	11.448.803.888	8.108.101.880	8.108.101.880	8.338.014.328	8.338.014.328	18.818.881.181	18.818.881.181
Chi nhánh Đông Anh (ix)	13.888.188.351	13.888.188.351	2.128.888.411	2.128.888.411	10.033.228.888	10.033.228.888	8.811.830.088	8.811.830.088
Ngân hàng Công thương Việt Nam (ix)	5.518.388.124	5.518.388.124	5.320.810.848	5.320.810.848	5.841.000.000	5.841.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ix)	34.888.355.318	34.888.355.318	18.335.581.853	18.335.581.853	53.434.183.014	53.434.183.014	58.183.381.588	58.183.381.588
Ngân hàng TMCP Việt Nam (ix)	34.418.381.328	34.418.381.328	28.508.488.183	28.508.488.183	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ix)	34.418.381.328	34.418.381.328	30.210.418.428	30.210.418.428	48.528.108.881	48.528.108.881	18.180.814.841	18.180.814.841
Số cơ sở (vii)	88.115.168.881	88.115.168.881	108.115.168.881	108.115.168.881	158.805.181.114	158.805.181.114	48.881.088.158	48.881.088.158
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ix)	108.115.168.881	108.115.168.881	108.115.168.881	108.115.168.881	158.805.181.114	158.805.181.114	48.881.088.158	48.881.088.158
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (ix)	18.180.814.841	18.180.814.841	18.180.814.841	18.180.814.841	18.180.814.841	18.180.814.841	18.180.814.841	18.180.814.841
Số cơ sở (vii)	18.180.814.841	18.180.814.841	18.180.814.841	18.180.814.841	18.180.814.841	18.180.814.841	18.180.814.841	18.180.814.841

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 56/2018-HĐCVĐADT/NHCT144-NASCO được ký ngày 08/11/2018 nhằm mục đích thanh toán các khoản chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Đầu tư 02 xe ô tô sản xuất mới 100% chở khách trong sân đỗ máy bay thay thế 02 xe sản xuất hết niên hạn sử dụng của Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài. Hạn mức tín dụng là 20.150.590.000 VND. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 09 tháng. Lãi suất cho vay quy định tại từng giấy nhận nợ (8%/năm). Tài sản thế chấp là 02 xe ô tô sản xuất mới 100% với tổng nguyên giá là 19.154.738.500 VND;
- Hợp đồng tín dụng số 24/2019-HĐCVĐADT/NHC144-NASCO được ký ngày 19/6/2019 nhằm thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư thay thế 01 xe ô tô trên 45 chỗ mới 100% phục vụ chuyên chở tuyến CBCNV. Hạn mức tín dụng là 1.879.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ (8%/năm). Tài sản thế chấp là xe ô tô khách UNIVERSE NOBLE - V1006 với tổng nguyên giá là 2.495.477.273 VND.

(iv) Các khoản vay dài hạn (bao gồm vay đến hạn trả) với Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng:

- Hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Quân đội số 25120.19.002.1265566.TD ký ngày 02/7/2019 nhằm bổ sung vốn thanh toán chi phí đầu tư 01 xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu Nissan Terra V2 mới 100%. Hạn mức tín dụng là 1.087.400.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ (8%/năm). Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con BKS: 30F - 803.52, với nguyên giá là 1.254.710.909 VND;
- Hợp đồng vay số 39773.19.002.1265566.TD của Ngân hàng TMCP Quân đội ngày 16/10/2019 nhằm tài trợ vốn trung hạn đầu tư dự án "Cải tạo một phần Trụ sở Công ty thành khu Briefing cho phi công và tiếp viên Tổng Công ty Hàng không Việt Nam ("VNA") tại Nội Bài. Số tiền vay là 26.658.766.316 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ (8,5%/năm). Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng các tài sản được hình thành từ dự án đầu tư của khoản vay;
- Hợp đồng vay số 58541.19.002.1265566.TD của Ngân hàng TMCP Quân đội ngày 30/12/2015 nhằm thanh toán 90% tiền mua 04 xe sản xuất mới 100 % phục vụ vận chuyển hành khách hạng thương gia (C-VIP) trong sân đỗ tàu bay. Số tiền vay là 32.328.000.000 VND. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 06 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ (8,5%/năm). Tài sản thế chấp là 04 xe sản xuất phục vụ trong sân đỗ sân bay, tổng nguyên giá là 33.112.732.799 VND;
- Hợp đồng vay số 3425.20.002.1265666.TD của Ngân hàng TMCP Quân đội ngày 21/01/2020 nhằm tài trợ vốn dài hạn để thực hiện 02 dự án Dự án Cải tạo các phòng khách Bông Sen nội địa và quốc tế của Công ty tại Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài" và "Dự án Mở rộng phòng khách hạng thương gia nội địa của Công ty tại nhà ga T1". Số tiền vay là 20.780.000.000 VND. Thời hạn vay là 72 tháng, thời gian ân hạn là 02 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ (8,5%/năm). Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng các tài sản được hình thành từ dự án đầu tư của khoản vay;
- Hợp đồng vay số 3994.20.002.1265566.TD của Ngân hàng TMCP Quân đội ngày 03/3/2020 nhằm tài trợ dự án đầu tư 02 xe ô tô sản xuất mới 100 % chở khách hạng Y trong sân đỗ máy bay của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài. Số tiền vay là 18.626.562.000 VND. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 06 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ (8,9%/năm). Tài sản thế chấp là 02 xe sản xuất phục vụ trong sân đỗ sân bay. Nguyên giá trên hợp đồng là 676.000 EURO tương ứng với 18.877.976.000 VND (tỷ giá 27.926 VND/EURO).

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(v) Các khoản vay dài hạn (bao gồm vay đến hạn trả) với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay số 131217-4309578-01-SME được ký ngày 06/02/2018 nhằm mua 01 xe ô tô Camry 2.5G mới 100%. Hạn mức tín dụng là 1.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường (8%/năm). Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con TOYOTA CAMRY, BKS 30E-793.56 với nguyên giá là 1.227.388.182 VND;
- Hợp đồng cho vay số 010318-4309576-01-SME được ký ngày 01/4/2018 nhằm mua 02 xe 47 chỗ nhãn hiệu 32 AUTO UNIVERSE KA7W. Hạn mức tín dụng là 4.390.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường (8%/năm). Tài sản thế chấp là 02 xe ô tô khách 3-2 AUTO UNIVERSE K47W BKS 29B 501.40 và 29B - 504.00 với tổng nguyên giá là 4.540.538.182 VND.

(vi) Hợp đồng vay dài hạn số 17.65.0019/2017-HĐCVĐADT/NHCT264-NASCOLOGISTICS ngày 22/09/2017 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco với hạn mức 1.141.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng đến hết tháng 09/2022. Mục đích: mua 05 xe ô tô tải Thaco Frontier 125. Lãi suất vay là 8,7%/năm tại thời điểm ký hợp đồng và chỉ điều chỉnh trong một vài trường hợp đặc biệt. Giải ngân 01 lần duy nhất. Tài sản đảm bảo là 05 xe ô tô thùng kín tải trọng 1,25 tấn theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.65.0016/HĐTC ngày 21/09/2017.

(vii) Hợp đồng vay số 01/2019/HĐCVTL/VCB.SS-NASCO ngày 31/12/2019 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn và Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco với hạn mức là 450.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích: mua 02 xe tải thùng kín theo Hợp đồng 190259KTB/2019/HĐKT ngày 06/12/2019. Lãi suất vay là 9,8%/năm trong vòng 12 tháng, sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo kết quả hạng tín dụng nợ của Vietcombank áp dụng cho khách hàng cá nhân có hợp đồng tiền gửi 12 tháng và được ghi trên giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là 02 xe tải thùng kín theo Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2019/HĐTC-NASCO ngày 31/12/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2021		01/01/2021	
	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	42.411.600.000	51,00%	42.411.600.000	51,00%
Các cổ đông khác	40.746.040.000	49,00%	40.746.040.000	49,00%
	83.157.640.000	100,00%	83.157.640.000	100,00%

20.3 Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.315.764	8.315.764
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	8.315.764	8.315.764
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) + Cổ phiếu phổ thông	282	282
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	8.315.482	8.315.482
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2021	01/01/2021
- Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	5.341.401	5.436.401
- Ngoại tệ các loại (USD)	13.739,00	46.550,00
- Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	633.087.400	633.087.400

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
+ Doanh thu dịch vụ vận chuyển	152.491.508.591	172.640.674.046
+ Doanh thu bán hàng miễn thuế	4.407.702.433	18.034.749.166
+ Doanh thu bán hàng hóa	4.186.908.957	7.740.527.969
+ Doanh thu dịch vụ nhà hàng, ăn uống	56.265.098.218	106.420.411.236
+ Doanh thu dịch vụ khác	34.122.544.063	33.982.178.937
	251.473.762.262	338.818.541.354

LOGI2LIC2BHCSD ngày 28/08/2021.
(* Trong năm, Công ty CP Giso vận hành Hãng hàng không thực hiện chuyến bay nội địa theo Nghị định 28/2019/NĐ-CP ngày 28/03/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam.

31/12/2021	83.121.640.000	(5.850.000)	38.623.684.506	3.866.513.425	(82.410.631.460)	14.135.401.411	64.666.461.644
- Điện chính do hoạt động phục vụ năm 2019					3.311.488.416		3.311.488.416
- Chi phí khác (*)					(41.124.864)	(1.163.400.000)	(1.163.400.000)
- Chuyển đổi tiền tệ					(81.216.611.813)	(42.220.445.202)	(132.062.114.318)
01/01/2021	83.121.640.000	(5.850.000)	38.623.684.506	3.866.513.425	5.110.302.800	65.118.488.088	160.261.215.246
31/12/2020	83.121.640.000	(5.850.000)	38.623.684.506	3.866.513.425	5.110.302.800	65.118.488.088	160.261.215.246
- Điện chính do hoạt động phục vụ năm 2019					(1.163.400.000)		(1.163.400.000)
- Chi phí khác (*)					(383.883.886)	(1.216.281.463)	(8.381.896.220)
- Chuyển đổi tiền tệ					(2.200.000.000)	(111.258.211)	(202.815.200)
- Chi phí khác					(18.584.060.400)		(18.584.060.400)
- Lợi (lỗ) trong năm					(421.458.311)	135.396.615	(318.061.102)
01/01/2020	83.121.640.000	(5.850.000)	33.023.684.506	3.866.513.425	36.012.361.128	63.563.854.644	518.246.833.460
31/12/2019	83.121.640.000	(5.850.000)	33.023.684.506	3.866.513.425	36.012.361.128	63.563.854.644	518.246.833.460

50.1 Bảng đời chiếu hiện tiền quỹ của vốn chủ sở hữu
50. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chiết khấu thương mại	185.754.691	245.147.357
	185.754.691	245.147.357

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
+ Giá vốn dịch vụ vận chuyển	122.872.732.214	118.822.732.793
+ Giá vốn bán hàng miễn thuế	4.671.087.092	13.944.515.796
+ Giá vốn bán hàng hóa	446.862.227	992.217.738
+ Giá vốn dịch vụ nhà hàng, ăn uống	15.136.868.114	35.180.556.986
+ Giá vốn khác	18.771.420.523	20.068.069.623
	161.898.970.170	189.008.092.936

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
+ Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	846.407.013	4.096.685.940
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	11.879.718.500	21.017.963.500
+ Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	127.633.275	438.478.663
	12.853.758.788	25.553.128.103

(*) Là khoản cổ tức nhận được từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 12/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2020 và Công văn gia hạn thời gian chi trả cổ tức số 68/CRTC-TKPC ngày 26/02/2021 của Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh, Công ty CP Giao nhận hàng hóa Nàsco (Công ty con của Công ty) được chia cổ tức với số tiền 16.875.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo cụ thể về thời gian nhận được khoản cổ tức trên, do đó theo nguyên tắc thận trọng, Công ty chưa ghi nhận khoản doanh thu hoạt động tài chính tương ứng

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
+ Chi phí lãi vay	12.295.178.439	9.178.661.223
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	35.174.505	741.287.706
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	62.650.061	-
+ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	90.000.000.000	-
	102.393.003.005	9.919.948.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	24.607.852.227	37.273.135.816
Chi phí nguyên vật liệu	1.421.437.830	3.094.171.854
Chi phí dụng cụ đồ dùng	5.185.586.165	2.971.631.877
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.112.773.303	14.256.852.079
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.005.861.119	52.031.842.431
Chi phí khác bằng tiền	11.141.086.948	9.078.450.923
	88.474.597.592	118.706.084.980

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	16.285.028.637	17.036.205.592
Chi phí vật liệu văn phòng	218.930.607	205.127.505
Chi công cụ, dụng cụ	318.528.451	527.684.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.149.853.101	8.187.382.781
Dự phòng phải thu khó đòi	964.564.063	89.890.438
Thuế và các khoản lệ phí	844.383.707	1.095.661.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.688.643.125	5.787.191.641
Chi phí khác bằng tiền	10.490.331.538	14.189.327.474
	38.960.263.229	47.118.471.874

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
+ Thu từ bán thanh lý tài sản	393.794.605	39.991.409
+ Thu nhập từ quyết định của Tòa án	-	1.172.406.957
+ Thu nhập khác	148.311.964	351.344.564
	542.106.569	1.563.742.930

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
+ Phí sử dụng dịch vụ Google	-	619.920.197
+ Các khoản bị phạt	114.830	155.902.674
+ Chi phí khác	861.075.885	221.281.054
	861.190.715	997.103.925

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(128.130.355.450)	(211.627.653)
Điều chỉnh cho các khoản lợi nhuận	(42.845.656.103)	(19.403.190.888)
- Chi phí không được trừ	964.564.063	591.205.797
- Thu nhập từ đầu tư góp vốn	(11.879.718.500)	(21.017.963.500)
Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết	(44.107.394.030)	(145.199.920)
Chi phí khấu hao Tài sản góp vốn	(199.831.359)	640.062.012
Chi phí lãi vay vượt 30% EBITDA	12.150.520.056	376.514.684
Lỗ tại Công ty liên kết	226.203.667	152.190.039
Lợi nhuận sau điều chỉnh	(170.976.011.553)	(19.614.818.541)
<i>Trong đó:</i>		
- (Lỗ)/Lãi tại Công ty mẹ	(81.444.780.467)	(20.098.626.336)
- (Lỗ)/Lãi tại Công ty con	(89.531.231.086)	483.807.795
Thu nhập tính thuế trong năm:	-	483.807.795
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN trong năm	-	96.761.559
Ưu đãi thuế theo NQ 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020	-	(29.028.468)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	67.733.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	68.659.728.550	88.049.740.862
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.225.820.902	45.166.929.968
Chi công cụ, dụng cụ	7.021.933.049	9.683.992.190
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.513.151.032	26.245.550.776
Thuế, phí và lệ phí	1.205.029.434	1.099.551.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.186.390.250	145.847.190.884
Dự phòng phải thu khó đòi	964.564.063	-
Chi phí bằng tiền khác	32.439.264.392	24.467.499.110
	284.215.881.672	340.560.455.050

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(91.516.671.813)	(451.428.377)
Lợi nhuận/(Lỗ) bỏ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(91.516.671.813)	(451.428.377)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.315.482	8.315.482
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(11.006)	(54)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND	Chi tiêu	Doanh thu dịch vụ						Doanh thu dịch vụ khác
		Doanh thu vận chuyển	Doanh thu bán hàng miễn thuế	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu dịch vụ nhà hàng, ăn uống	Doanh thu dịch vụ	Doanh thu khác	
KẾT QUẢ KINH DOANH								
	1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	152.305.753.900	4.407.702.433	4.186.908.957	56.265.098.218	34.122.544.063	251.288.007.571	
	- Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	25.676.018.657	4.407.702.433	4.186.908.957	56.265.098.218	14.026.998.325	104.562.726.590	
	- Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	126.629.735.243	-	-	-	20.095.545.738	146.725.280.981	
	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ nội bộ	81.485.602	-	-	-	184.680.000	266.165.602	
	3. Giá vốn hàng bán	122.872.732.214	4.671.087.092	446.862.227	15.136.868.114	18.771.420.523	161.898.970.170	
	4. Khấu hao và Chi phí phân bổ	9.234.418.655	1.187.370.012	1.127.891.507	15.156.987.422	3.828.416.486	30.535.084.081	
	5. Lợi nhuận gộp	29.433.021.686	(263.384.659)	3.740.046.730	41.128.230.104	15.351.123.540	89.389.037.401	(137.067.114.318)
	6. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							
TÀI SẢN								
	7. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	-	-	-	1.730.927.364
	- Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	-	-	-	-	-	-	-
	- Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	-	-	-	-	-	-	1.730.927.364
	Tổng tài sản							266.480.923.893
NỢ PHẢI TRẢ								
	Tổng nợ phải trả							211.481.436.248

TÀNH NHƯỢNG IÁT OÀB BÀO
Số dư cuối kỳ kết thúc tại mức giá trị tính theo VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Số dư cuối kỳ kết thúc tại mức giá trị tính theo VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND	Cộng	Doanh thu dịch vụ khác	Doanh thu dịch vụ vận chuyển	Doanh thu bán hàng miễn thuế	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu dịch vụ	Doanh thu khác
	358.810.428	184.880.000	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428
	322.852.252.415	222.852.252.415	222.852.252.415	222.852.252.415	222.852.252.415	222.852.252.415	222.852.252.415
	180.800.880.053	180.800.880.053	180.800.880.053	180.800.880.053	180.800.880.053	180.800.880.053	180.800.880.053
	32.252.245.888	32.252.245.888	32.252.245.888	32.252.245.888	32.252.245.888	32.252.245.888	32.252.245.888
	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428
	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428
	184.880.000	184.880.000	184.880.000	184.880.000	184.880.000	184.880.000	184.880.000
	153.485.481.308	153.485.481.308	153.485.481.308	153.485.481.308	153.485.481.308	153.485.481.308	153.485.481.308
	118.955.135.188	118.955.135.188	118.955.135.188	118.955.135.188	118.955.135.188	118.955.135.188	118.955.135.188
	18.084.520.011	18.084.520.011	18.084.520.011	18.084.520.011	18.084.520.011	18.084.520.011	18.084.520.011
	23.215.188.888	23.215.188.888	23.215.188.888	23.215.188.888	23.215.188.888	23.215.188.888	23.215.188.888
	222.852.252.415	222.852.252.415	222.852.252.415	222.852.252.415	222.852.252.415	222.852.252.415	222.852.252.415
	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428
	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428
	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428
	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428
	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428
	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428
	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428
	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428	143.830.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

35.1 Các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm khai thác Nội	Công ty mẹ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Khu vực Miền Bắc	Công ty mẹ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không (VASCO)	Công ty mẹ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Bông Sen Vàng	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (Skypec)	Công ty cùng Tập đoàn
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (Skypec) Khu vực miền Bắc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam (VIAGS)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ hàng không Việt Nam	Công ty liên kết
Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc	

35.2 Giao dịch với các bên liên quan

Bán hàng:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm khai thác Nội Bài	37.214.634.431	99.404.976.305
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	12.232.889.594	13.893.795.136
- Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - VP Khu vực miền Bắc	315.898.225	247.970.979
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Bông Sen Vàng	-	2.097.000
- Công ty TNHH Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam (VIAGS) - CN Nội Bài	4.502.424.148	5.026.493.224
- Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	1.734.984.382	1.822.435.278
- Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	-	33.517.175
- Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	2.494.328.840	2.696.209.471
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không (VASCO)	210.208.711	406.389.850
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (Skypec) Khu vực miền Bắc	107.203.007	310.515.834
- Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	23.518.182	88.854.547
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Đoàn tiếp viên	6.363.636	-
	58.842.453.156	123.933.254.799

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

35.2 Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

Mua hàng:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	3.759.981.626	2.100.789.272
- Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - Khu vực miền Bắc	30.046.938.517	23.462.894.243
- Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - Khu vực miền Trung	-	1.581.409.400
- Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - Khu vực miền Nam	27.099.999.900	23.819.076.459
- Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	1.258.157.302	1.650.869.456
- Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	-	69.311.690
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	1.878.628.996	1.511.352.918
- Công ty CP Tin học viễn thông hàng không	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam (VIAGS) - CN Nội Bài	132.038.000	79.696.643
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam - CN Đà Nẵng	53.702.950	-
	64.229.447.291	54.275.400.081

Cổ tức, lợi nhuận được chia

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	13.746.318.500	21.017.963.500
	13.746.318.500	21.017.963.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

		Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Họ và tên	Chức danh		
Ông Trần Việt Phương	Tổng Giám đốc	330.237.610	495.440.267
Ông Trần Xuân Cương	Phó Tổng giám đốc	250.327.511	385.189.703
Ông Phan Thanh Bình	Phó Tổng giám đốc	113.258.292	-
Ông Đặng Huy Khôi	Phó Tổng giám đốc	-	94.784.164
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng	227.174.276	348.042.804
		920.997.689	1.323.456.937

		Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Họ và tên	Chức danh		
Ông Lê Đức Cảnh	Chủ tịch HĐQT	64.800.000	64.800.000
Ông Trần Việt Phương	Thành viên HĐQT	56.400.000	56.400.000
Bà Hà Thị Thu Nga	Thành viên HĐQT	56.400.000	56.400.000
Ông Vũ Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT	56.400.000	28.200.000
Bà Phan Diễm Anh	Thành viên HĐQT	28.200.000	56.400.000
Ông Nguyễn Phú Thanh	Thành viên HĐQT	28.200.000	-
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên HĐQT	-	28.200.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban kiểm soát	123.480.000	123.480.000
Bà Nghiêm Thị Thủy Tươi	Thành viên BKS	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Trường Thi	Thành viên BKS	48.000.000	48.000.000
		509.880.000	509.880.000

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 5 "Trả trước cho người bán ngắn hạn"
- Thuyết minh số 6 "Phải thu khách hàng"
- Thuyết minh số 7 "Phải thu khác"
- Thuyết minh số 13 "Đầu tư tài chính dài hạn"
- Thuyết minh số 15 "Phải trả người bán ngắn hạn"
- Thuyết minh số 18 "Phải trả khác"

36. THÔNG TIN KHÁC

Những khoản nợ tiềm tàng

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Thông tin hoạt động liên tục và các sự kiện phát sinh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 thể hiện khoản lỗ thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lỗ sau thuế của Công ty mẹ với số tiền lần lượt là 127,8 tỷ đồng và 91,5 tỷ đồng. Bên cạnh đó, tại ngày 31/12/2021, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của công ty là 26,7 tỷ đồng VND. Luồng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 là âm khoảng 7,4 tỷ đồng. Bên cạnh đó, tình hình COVID-19 tiếp tục có những diễn biến khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Công ty đã thực hiện các biện pháp để cải thiện tình hình tài chính như thực hiện cho nhân viên đi làm luân phiên, đóng cửa các địa điểm kinh doanh không hiệu quả, tiết giảm chi phí, thúc đẩy việc thu hồi công nợ và các biện pháp khác để duy trì tính liên tục hoạt động của Công ty. Ngoài ra, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải Cục hàng không Việt Nam gửi Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam về việc mở lại đường bay quốc tế thường lệ, từ ngày 15/02/2022 nhà nước Việt Nam dỡ bỏ các hạn chế đối với hoạt động vận chuyển hành khách trên các chuyến bay thường lệ, không thường lệ. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Ngoài ra không có bất kỳ sự kiện nào khác về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động.

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu Hiền

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Trần Việt Phương